## UBND TİNH THÁI NGUYÊN SỞ KHOA HOCC VÀ CÔNG NGHÊ



## HỒ SƠ MÃU <br> THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:

Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X -quang chẩn đoán trong y tế

## DANH MỤC

## I. THÀNH PHÀ̀N HỒ SO'

| STT | Tên giấy tờ | $\begin{gathered} \text { Số } \\ \text { lương } \end{gathered}$ | Loai giấy tờ |
| :---: | :---: | :---: | :---: |
| 1 | Đơn đề nghị cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ theo Mẫu số 01 Phụ lục IV của Nghị định số $142 / \mathrm{ND}-\mathrm{CP}$ ngày 09/12/2020 của Chính phủ | 01 | Bản chính |
| 2 | Quyết định thành lập tổ chức, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chưng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Các loại giấy tờ khác có giá trị tương đương. Trường hợp giấy tờ bị thất lạc phải có xác nhận của cơ quan ban hành hoăc cấp loai giấy tờ đó | 01 | Bản sao |
| 3 | Phiếu khai báo nhân viên bức xạ và người phụ trách an toàn theo Mẫu số 01 Phụ lục III của Nghị định số 142/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ | 01 | Bản chính |
| 4 | Chứng chỉ nhân viên bức xạ của người phụ trách an toàn. Trường hợp người phụ trách an toàn chưa có chứng chỉ, phải nộp hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ theo quy định tại Điều 35 của Nghị định này cùng hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ. | 01 | Bản sao |
| 5 | Giấy chứng nhận đào tạo an toàn bức xạ của nhân viên bức xạ | 01 | Bản sao |
| 6 | Phiếu khai báo thiết bị X-quang chần đoán y tế theo Mẫu số 07 Phụ lục III của Nghị định số 142/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ | 01 | Bản chính |
| 7 | Tài liệu của nhà sản xuất có thông tin về thiết bị X-quang chẩn đoán y tế như trong phiếu khai báo. Truờng hợp không có tài liệu của nhà sản xuất về các thông tin này, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép phải nộp kết quả xác định thông số kỹ thuật của thiết bị | 01 | Bản sao |
| 8 | Giấy chứng nhận kiểm định thiết bị X-quang chẩn đoán y tế. | 01 | Bản sao |
| 9 | Báo cáo đánh giá an toàn chứng minh đáp ưng đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 2 | 01 | Bản chính |


|  | Điều 8 của Nghị định này. Báo cáo đánh giá an <br> toàn thực hiện theo Mẫu số 05 Phụ lục V của <br> Nghị định này. |  |  |
| :---: | :--- | :---: | :---: |
| 10 | Biên bản kiềm xạ | 01 | Bản sao |
| 11 | Kế hoạch ưng phó sự cố thực hiện theo quy <br> định tại Phụ lục II của Nghi định số $142 / \mathrm{NĐ}-$ <br> CP ngày $09 / 12 / 2020$ của Chính phủ | 01 | Bản chính |

## II. GIÁY TIÉP NHẬN HỔ SƠ VÀ MẪU GIÁY TRẢ KẾT QUẢ

## ĐON ĐÊ NGHỊ CÁP GIÃY PHÉP TIÉN HÀNH CÔNG VIẸCC BÚC XA.

( Sử dụng thiết bị X quang chẩn đoán y tế)

## Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên

 khám nha khoastask
2. Địa chỉ:

Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

4. Fax:
5. E-mail:
6. Ngườ đựng đầu tổ chức:


- Chức vụ: Chủ co sỏ̉
- Số giấy CMND/CCCD/Hộ chiếu:

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chinh về trật tụ xã hội
7. Đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc búc xạ sau:

| TT | Tên công việc bức xạ | Noi tiên hành công việc búc xa |
| :---: | :---: | :---: |
| 1 | Sử dụng 01 thiết bị X quang chụp răng |  nha khoad <br>  <br>  Nguyên, tỉnh Thái Nguyên |

8. Các tài liệu kèm theo:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ.
- Phiếu khai báo nhân viên bức xạ và người phụ trách.
- Phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán y tế
- Báo cáo đánh giá an toàn bức xạ.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- Tài liệu $k y$ thuật máy x quang chụp răng
- Bán sao Hợp đồng đọc liều kế cá nhân
- Chứng chí đào tạo an toàn bức xạ.
- Giấy chưng nhận kiểm đinh máy X quang răng, kết quả đo an toàn bức xạ.
- Kế hoạch Ûng phó sự cố bức xa và Hat nhấn cấp cơ sỏ.

Tôi cam đoan các khai báo là đúng sự thật, bảo đảan chấp hành nghiêm chỉnh các quy định cưa pháp luật về an toàn bực xạ và các điều kiện ghi trong giấy phép./.

Thái Ngujuên, ngày 12 tháng 9 năm 2022 CHỦ COSỎ


MÃU

UY̛ BAN NHÂN DÂN THȦNH PHỐ THÁI NGUYÊN PHONG TÀI CHINH-KW HOACE

CỌNG HOÀ XA HOOTICHỦ NGHĨA VIET NAM


## GIÃ CHUUNG RHÂN DĂNG KÝ KIINH DOANH

 HO KINHDOANHSố:
Đăng kíl là̀n đ̛àut, ngà̀y 03 tháng 07 năm 2020

1. Tên hộ kinh doanh:
2. Địa điểm kinh doanh: thành phố Thái Noguyên, tinh Thäi Nguyên.
Điện thoại:


Email:
Fax:
Website:
3. Ngành, nghề kinh doanh: Dịch veskám churia bệnh chuyên Khoa Räng hàm mătı/.
 Phâp luât
4. Vốn kinh doanh: 200.000.000 đồng.
5. Họ và tên cá nhân, hoặc tên đại diện hộ gia đỉnh:


Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh thut nhân dân
Số giấy chưng thục cá nhân: way

 Whand
 Nguyên.



## PHIẾU KHAI BÁO NHÂN VIÊN BƯC XA

## I. TEÔNG TIN TÖ CHÚC, CÁ NHÂN KHAI BÁO





3. Điện thoại:
4. Fax:
5. E-mail:
II. NGU'ÒI PHU TRÁCA AN TOÀN



Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tụ̣ xã hội
5. Chuyên ngành đào tạo: Bác sỹ đa khoa
6. Phòng/khoa/phân xưởng đang làm việc: Phòng khám y khoa Quang Trung Số điện thoại:
Số quyết định bổ nhiệm phụ trách an toàn: $01 / 2022 / \mathrm{QD}-\mathrm{PK}$ Ký ngày: $30 / 8$ 12022
8. Giấy chứng nhận đào tạo về an toàn bức xạ:

- Số giấy chứng nhậ̉n: 19/K34/2022/GCN-ATBX/STEC;
- Ngày cấp: 18/07/2022
- Cơ quan cấp: Công ty cổ phần tư vấn kỹ thuật Khoa học Công nghệ - Stec
- Số giấy chứng nhận: 20/K34/2022/GCN-ATBX/STEC;
- Ngày cấp: 18/07/2022
- Cơ quan cấp: Công ty cổ phần tư vấn kỹ thuật Khoa học Công nghệ - Stec

9. Chứng chỉ nhận viên bức xạ:

- Số Chứng chỉ:
- Ngày cấp:
- Cơ quan cấp:
III. NHÂN VIÊN BÚC XA KHACC: 0 nhân viên

Phụ trách An toàn bức xạ kiến nhân viên bức xạ
Thái Ngujên, ngày 12 tháng 9 năm 2022


CHUB COSOB


# CỌNG HÒA XA HOT CHU NGHIA VIẸT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc 

## Chừng nhân

## Ông/ Bà:

## Phòng Khám Nha 1

Đã tham gia và hoàn thành chương trình đào tạo:
An toàn bức xạ cho nhân viên bứe xạ trong $X$-quang chẩn đoán y tế Tổ chức tại sở Khoa học và Công nghệ tinh Vĩnh Phúc



# CỌNG HÒA XA HOI CHỦNGHĨA VET NAM 

Dộc lập - Tự do - Hạnh phúc
naía chúng nhần


CY CO PH ANTU VANTY THEUAT KHOA HOC CONG NGHE - STEC

## Chung nhần

Ông/ Bà: Đô Phòng Khám Nha

Đã tham gia và hoàn thành chương trình đào tạo:
An toàn bức xạ bổ sung cho nguời phụ trách an toàn Tổ chức tại sở Khoa học và Công nghệ tinh Vĩnh Phúc

Từ ngày 14/07/2022 đến ngày 15/07/2022


## CỌNG HÒA XÃ HỌI CHỦ NGHĨA VIĖT NAM <br> Độc lập-Tụ do-Hạnh phúc

## PHIÉU KHAI BÁO THIÉT BỊ X -QUANG CHẢ̉N ĐOÁN Y TĖ

## I. THÔNG TIN TỎ̉ CHỨC, CÁ NHÂN KHAI BÁO



2. Địa chỉ:
Nguyên, tinh Thái Nguyên
3. Điện thoại: 097
4. Fax:
5. E-mail:
II. ĐĂC TÍNA CỦA THÉT BI

1. Tên thiết bị: Thiết bị X quang chụp răng rainbow ${ }^{\text {TM }} \mathrm{CT}$
2. Mã hiệu (Model): ICT-R01-L

Số xê-ri (Serial Number): G04DXD2322
3. Hãng, nơi sản xuất: Hàn Quốc
4. Năm sản xuất: 2022
5. Diện áp cực đại (kV): 100 kV
6. Dòng cực đại (mA): 12 mA
7. Mục đích sử dụng:

- Soi, chụp chẩn đoán tổng hợp
$\square$ Chụp can thiệp
$\square$ Chụp vú
DDo mật độ xương
$\square$ Mục đích khác (ghi rõ):

8. Cố định hay di động:区Cố dịinh

पDi động
 Anh). Địa chỉ:
Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
III. ĐÃU BÓNG PHÁT TIA X

1. Mã hiệu (Model): D-054SB
2. Số xê-ri (Serial Number): 2A63957
3. Hãng, nơi sản xuất: POSKOM, Hàn Quốc
4. Năm sản xuất: $\quad 2022$

## IV. BÀN ĐIÈU KHIẺN

1. Mã hiệu (Model):
2. Số xê-ri (Serial Number):
3. Hãng, nơi sản xuất:
4. Năm sản xuất:
V. BỘ PHẬ̃ TĂNG SÁNG (đối với thiết bị tăng sáng truyền hình)
5. Mã hiệu (Model):
6. Số xê-ri (Serial Number):
7. Hãng, nơi sản xuất:
8. Năm sản xuất:

Thái Ngulyên, ngày d2 tháng 9 năm 2022 CHUB CO SỞ



## 1. Khái quát chung

1.1 Thông tin sàn phẩm và mục đ̛ich sử dụng.
1.1.1 Thông tin săn phầm Rainbow TM CT

Là thiết bị điện từ sự dụng tia $X$ cho nha sĩ đề có dược hinh ânh của hình ảnh Tăng của bẹ̣nh ohân, khoang mũi và khớp tạm tliòi, đây là thiêt b bi chần đoán y khoa được thiết kế đề thu đurợc hình ành bằng cách sắp xếp $X$-quang và đơn vị hiền thị hình ânh đối diện nhau và xoay quanh bệnh nhân nhur trục trung tầm yà phân tích hình ânh của khu vục quan tâm từ bệnh nhân hiển thị nó trên màn hình thông qua tính toán cuia máy tính. Ngoàị ra, sân plaảm này con bao gồm các chức năng tái tạo hiển thị, chinnh sữa, lưu hình ành, vv .. như chức năng thao tác hinh ành.
-Hệ thống bao gồm máy phát tia $X$, máy dọ̀ tia $X$, máy thu tia $X$, khung chính, bộ xoay, PC và màn hinh, vv như là tiêu chuần.

### 1.1.2 Mục dích sử dụng

- La một thiết bị thu được hỉnh ânli địa hînh cưa râng, hànu, vv bằng cách chuyền đồi tin hiệu tia X sang kỹ thuật số bẳng cách sứ dụng chất bản dẫn, vv cho mục đich chần đoán, nó được thiết kế dể quét hình ành toàn cảnh cuaa răng, hàm và cấu trúc miệng.
1.2. Đặc điềm của rainbow ${ }^{\mathrm{TM}} \mathrm{CT}$
- Nó tích hợp các chírc năng CBCT , tò̀n cành và cephalometric (quét dòng, quêt mộtlần) trong một thiếr bị cung cấp
-Chưrc năng 3 trông 1 và là thiết bị chần đoán và phân tich hình ành kỹ thuật số toàn diện cho nha sĩ - Khii chụ̂p CT hoặc quét toàn cành, nó được đồi thành chế độ tự động mà không thay đổi cảm biến hoặc xoay.
- Bật đề chọn chế độ địa phương, tiêu chuần và klâu theo yệu cầu khi quét CT.
- Trong turờng họp trè so sinh, có thề quét vớl liều phoi nhiễm tối thiểu.
- Giảm thiều sụ bất tiện của người dùng bằng cách trang bị chực năng tụ̣ chẩn đoón
- Áp dụng giao diện trục quan đềt thuận tiện cho ngrời dùng khi hoạt động.
- Giảm liều phooi nhiễn đáng kề so với máy quét CT y tế thống thiuờng
- Phư họp vói DICOM 3.0 (Truyè̀n thông hình ảnh kỹ thuật số trong y học), là tiêu chuần hình ành y té quốc tế.


## 2. Thông tin an toàn

### 2.1 Biễu tuọng đự̛̣c sử dụng trong Hương dẫn sữ dụng

- Trong hướng dã̃n sừ dụng này, đề.sừ dụng sân phầm hiệ̀ quả̉, câc ký hiệu sau được sư dụng. Hãy hiều tuân thu các nội dung được giơoi thiệu bằng biều tựng kỹ luỡng
- Để ngăn chặn cơ thể bị thương và hư hōng tài sän, vui lọ̀ng tuân thủ các biện pháp phòng ngừa an toàn được quy định trong tài liệu này. Các biện pháp phòng ngưa đự̛̣c hiển thị như được liệt kê trong biều tượng.

| Biểu tương | Tên | Y' nghĩa |
| :---: | :---: | :---: |
|  | CHÚ Y | Nó cho thấy các thông tin và biện pháp phòng ngừa cà̀n thiết đế sữ dựng sản phầm. |
|  | X-ray | Nó cho thấy các biện: pháp phò̀ng ugrìa vè nguy co bức xạ và cành báo |
|  | $\begin{aligned} & \text { THÂN } \\ & \text { TRỌNG } \end{aligned}$ | Đây là hướng dẫn quan trọng cần thiết đề sử dụng sản plầm. Vi phạm nó có thề gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho thiết bị và coo thề |
| $4$ | WARNING HAZARD vOltage | Đi̛ng đụng vào. Nếu không, nó cỏ thề gây ra chấn thurong do sốc điệ̣n |
|  | LASER | Đưng nhìn thằng vào mắt. Nó có thề gây tồn thưong ngliuêm trọng cho mắt |
|  | ELECTRIC SHOCK | Cónguy co điện giật |


|  | Nếl không sừ dụng tia X đúng cách, tia X có thê nguy hiền hoặc gây hại cho cơ thề. Người dìng nên tuân thü hướng dẫn và cành báo trong sách hương dẫn này mà không bị lỗi. Thiết bị này nê̂n được lắp đặt trong phòng chống tia X. Phòng lắp đặt thiết bị phải tuân thủ mọi quy định liên quan đển việc bào vệ an tọàn khöì tia $X$ |
| :---: | :---: |

### 2.2. Phòng ngùa truóc khil sư dung

- Sản phẩm này là dụng cu y tế phơng xa và chi nên được vân hành bỡi nhân viên cơ trình độ
- Trong mọi trường hợ, không chi che phui thiết bi. Khi sân phầm có thề bî lồi hoăc sự cố có thề xåy ra, vui lòng liên hệ với nhạ phân phối gần bạn hoặc nhà sản xuất. Nhà điều hành thiểt bị có thé giao tiếp bằng giọng nói hoặc trực quan với người kiểm tra truớc khibắt đầu quet đê hoan thành
- Khi thiết bị không được sư dụng, hãy tắt công tắc nguồn
- Khi sừ dụng thiêt bị; luôn sử dụng thiết bị sau khi kiềm tra điều kiên nguồn, PC, cáp, vv
- Khi thiết bị có thể xayy ra lôi do nước hoặc bât kỳ vật liệu lạ nào trong quá trinh sữ dụng, hãy bật nguồn ngay lập. tức và liên hệ vớí nhà phân phối lân cận hoặc nhà sàn xuát
- Khi di chuyền hoặc lắp đặt máy tinh, vui lòng tránh không gian kín. Nó có thể gây ra sự thất bại sản plıàm (máy tính lỗ thông hơi là cần thiết)
- Lắp đặt thiết bị ơ nơi khộng có vậliệunguy hiểm, ngập lụt hoặc rô rì nước, v.v.
- Không đặt hoặc treo bất kỳ vật nặng nảo lên thiê̂́t bị. Nó có thề gây ra lỗi thiết bi
- Đối với hoạt động ồn định của thiế bi, sự dựng nó ơ nhiẹt độ phòng ỡ $20-25^{\circ} \mathrm{C}$
- Thành phần cần khư trùng cần được tiệt trùng trước khi sữ dụng

|  | Dề trảnh nguy co điệ̀n giật nối đất thiết bị với đất |
| :---: | :---: |
|  | *"Cảnh báó Đè tránh nguy co bị diện giật, thiết bị này chi được kết nố với nguồn câp điện có bioo vệ dất |

## 2.3. 青ề phòng trong sủ dung

- Thực hiện việc quét sau khi người kiềm tra nuặc quần áo bào hộ và bào vệ tuyên giáp trước klii quét. Đậc biệt cho trè em / tré so sinh, mang thai, vv thực hiện sau khi tham khảo ý kiên bác sĩ
- Các thành phần được sừ dụng, vv cho vệ siih cần được khừ trùng bất cứ khi nào nó được sử dụng
- Khi điều chỉnh chiều cao của thiết bị, không cho phép người kiềm tra tiếp cận gần thiết bị
- Hương dẫn người kiển tra đứng yên ở vị trí cho đén khi thiết bị dùng hoàn toàn
- Khi bị rò rỉ dầu trong thiết bị $X$ quang, hãy tẳt nguồn ngay lập tực và liên hệ với nhà phân phôi lân cận hoặc nhà sản xuất
- Khi sẵn phầm có thể được tháo rời hoặc stra đổi, sản phẩm se không đư điều kiện bảo hành
- Khi thiết bi X-quang có thề không tuân thủ các quy định về an toàn phơi nhiễm và các hướng dẫn vận hành, nó có thể gây nguy hiểm cho cà người vận hành và người kiểm tra. Vui lòng tuân thủ quy định an toàn
- Việc quét tia $X$ nên được thực hiện tại nơi đực̣ trang bị các phương tiện bảo vệ an toàn và người vận hành phải chú y̛ đến sự an toàn của người kiềm tra và hoạt động của thiết bị
- Thực hiện quét trong điều kiện giao tiếp bằng lời nơi hoặc trự quan với người kiềm tra là có thề
- Giài thich cách vận hành công tấc dựng khần cấp cho nguới kiềm tra để liọ có thề tránh xa nguy hiềm một cách nhanh chóng khi xày ra sụ cố trong quá trinh quét tia $X$


### 2.4. Pliòng ngừa điện

- Sử dưng điện áp dặt trong 220V
- Không lắp đặt thiết bị khi ngắt kết nối phich cắn điẹn không dễ dảng
- Khi thay đồi nguồn điện, hãy liên hệ với nhà phân phối lân cận hoặc nhà sản xuất.
- Không đặt bất kỳ vật nào trong phạm vi cài đặt được xác định trong sách hướng dẫn này
- Thực hiện việc quét sau khi giáo dục hành dộng cùa người được khảo sát trước / sau khi quét $X$ quang
- Nếu cần phài điều chỉnh chiều cao khi căn chình người kiền tra, điều chỉnh chiều cao chŕ ý đến sụ an toàn
- Không kéo phích cắm điện bằng vũ lực

| THẠN TRONG | Đề tránlı nguy cơ điện giật, nối đất thiết bị vói đất |
| :--- | :--- |

- Không sṭ̛ dụng chùm tia laser klác ngoài căn chinh của người kjềm tra,
- Khi căn chinh que thử, Khoảng cách giữa chùm tia laṣer phải được duy trì hon $10 \mathrm{~cm}(4$ ") và chú ý đè không uhin trực tiếp vào nó
- Không đố boặc châm chất lòng như nưởc trền sàn phẩm. Nó có thề gây ra điện giật hoặc hư hõng hoặc cháy, vy của thiết bị.
- Nếu quy định về an toàn phơi nhiễm và hương dẫn vận hành không tuân thử, điều này có thề gây nguy hiềm cho cà người kiểm tra và nhà điều hành.
- Không đặt bất kỳ vật thề nào trong bán kính vận hành thiết bịi. Kbi quét, nó có thề gây nguy hiềm cho thiết bị và người kiểm tra
- Không giữ các chất dễ cháy xung quanh thiết bị. Nó có thể gây ra hỏa hoạn
- Trong quá trinh quét, không tliao tạ́c với công tắc hoặc thiết bị. Nó có thể gây ra sự cố của thiết bị
- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động của thiết bị ngay lập tức bằng cảch nhả công taíc chiếu xạ hoặc nlián công tấc klî̀n cầp nằm bên dưới khung điều khiển thiết bị
- Khi có thề xảy ra hỏa hoạn điện, hãy sự dụng bình chûa cháy được đánh dấu chì vơii mục dich tương ưng.

Sừ dụng nước hoặc chất lông để chữa cháy điện có thề gây hư hại nghiêm trọng cho cơ thề và thiết bị̆. Truớc khi dập tắt đảm cháy, ngăn chặn nguy cơ điện giật bằng cách ngắt kết nối phịch cắm điện

- Không khử trùng bằng bình xịt. Có nguy cơ cho tiệt trùng phưn hoặc chất khử trùng dược dốt cháy
2.5. Chính sách bảo vệ búc xa

- Nếu thiết bị co thề hoạt động bất thương trong khi quét, hãy dững thiĉ́t bị ngay lập tức bằng cách nlẩn nút khần cấp.
- Khi quét, người vận hành phài cách xa thiết bị it nhầt 2 m
- Việc quét tìn trẻ em hoặc mang thai nên được thực hiện sau khi trao đồi với bác sĩ phụ trách
- Khi quét, nhà điều hành có nghīa vụ cung cấp các phương tiện bảo vệ như tạp dề chì, v.v.
- Nhà điều hành nên kiềin tra tịnh trạng của thiết bị kiềm tra liên tục trong trrờng hợp khẩn cấp trong quá trình quét
- Thiết bị X-ray nên được đặt bên trong các thiêt bị che chắn và người điều liành nên quét bên trong các thiết bị che chắn thông qua cưa sổ bên ngoài.


### 2.6 Chịnh sách trích nhiệm cüa nhà sạn xuât

|  | Nhà sần xựát có quyền sựa đổi hương dẫn sừ dụng cüa thiết bị này mà không cần thồng báo trước |
| :---: | :---: |

Giới hạn trong các trương hợp sau đây, nhà sạn xuất có trách nhiệm về sự an toàn và hoạt động bìnli thuờng của các sản phẩm $X$ quang

- Trong trường hợp thiết bị hu hơng và tai nạn không phải do sur cầu thà tùy y y của khách hàng
- Trong trương hợp thiết bị dượ sừ dung binh thuờng theo hương dẫn sử dụng
- Trong trường hợp sản phẩm chinh hãng được nhà san xuất phề duyệt thì được sừ dụng
- Trong trường hợp việc bȧo tri đurợc thực hiện bơi nhà phân phôi dú điêuu kiện bơii nhà sàn xuất
- Trong trường hựp sàn phầm được nhà phân phối lắp đật đủ điêu kiện bời nhà sản xuất
- Trong trường hợp thiết bị được lắp đặt tuân thủ các điều kiện lắp đặt và các biện pháp phòng ngtra được chi định bời nhà sản xuất


### 2.7. Chức năng an toàn

2.7.1. An toản hệ thống

- Khi mâat điện do mất diện hoặc thao tác chuyền đồi khẩn cấp.
- Thời gian quét tự động (thởi gian lảm mát) thay đồi theo cấp $\mathrm{kV} / \mathrm{mAs}$ và thời gian phát xạ bức xạ thực tế. Thời gian ngừng hoạt động được đặt tự động từ $8-600$ giây tày theo tải ông


### 2.7.2 Chỉ báo / Hệ thống cảnh báo

- Khi lôi xảy ra trong thiết bị, đèn đở sáng.
- Trong quá trinh chiếu xạ tia $X$, đèn niàu cam sáng và nhạc được truyền đi.


### 2.7.3 Kiểm tra thiết bị bảo vệ

- Khi nhấn công tắc khẩn cấp trong quá trinh hoạt động bất thường cưa thiết bị, hoạt động của thiết bị được dưnng lại để bảo vệ ngrơơi kiềm tra
- Trong trường hợp trẻ em, điện áp ống và đòng điẹn được thiết lập tự động thông qua các thông tin đã đăng ký giàm thiểu liều bực xạ.


## 2．8 Ghi nhãn sản phẩm và ký hiệu

－Ngăn ngừa tai nạn bằng cách gắn nhãn trên một phần của sàn phầm có thề gây ra tùnh huống nguy hiềm． 2．8．1．Ghi nhãn sàn phầm
－Như hình．，Đính kèm nhãn chí̛a tên săn phẩm，mục đích，điện áp danh định，vy（được thay đối）

Pentium
rainbow ${ }^{T M}$ CT
iCT ：Retor（WH－1）
Serial No．：
Date of Manufacture ：
20 Dentium Co．，Lid．



MADEIN KOREA
Inpul Powar $110-240 \mathrm{~V}$ ， $50 / 60 \mathrm{~Hz}$ ， $2.2-2.0 \mathrm{kVA}$
Rode of oporation
Irsodation duration：max，10s／Rest duation：min．1Omin

Permanent fillration ：0．8िmimir
Added infer：ImmAl
个基 $\triangle C \epsilon_{\max }$

EUTREP Emargo Europo Lithenslasal is， 2513 ©H，Tha Hague，The Nalionandes

Corntivin rainbow ${ }^{\text {TM }} \mathrm{CT}$ iCTMOROr（WH－1）

Serial No．：
Date of Manufacture ：
Dentium Co．，Ltai
501．502．504 Gyeongi REDB CentertSOG－5，Jurdang．


Tol $+82-31 \div=286-5566$ Fax，＋82－31；－888－5567

MADE WN KOREA
Input Powiwn 110－240V－，50／60Hx，2：2－2，0kYA
Niode of oporation

 permonent mitration eogmmá Added fltors 1 mm At

## $\hat{\pi}$ 量 $\Delta C \epsilon_{\max }$

EU｜RER Ensergo Europa Matenstanl 15,2513 6H．Tha Hagur，The Walharlands

OPCTHEETR
For Denlisis By Dentists
rainbow ${ }^{\text {TH } C T}$
icTmolor（WH－1）
Serial No．：
Date of Manufacture：

4d Dentium Co．Ltd．
＊201，4401，150，Earocongro：Gineung－su：Yongorit．
Gyean97－－60．K0res

MADE IN KOREA．
Input Power 110－240X－，50160Hz，2．2－2，0kVA mode of oporation
uradiation duraliont man， 19 ／Rest duratione min． 10 min Cotumiogeration duration：Maximin／Rest berios ：min． 5 min Petumanan！filtration $=0.8 \mathrm{mmal}$ Alded filter： 1 mm al：


EUREP Emargo Europa Ablenslant：15，3513，6H，The Hague，The Nalierlands．

### 2.8.2.X-ray GeneratorLabel

```
HGH VOLTAGETANK
MOOEL:PKO-LI2OT
TubeModel: D-05aSB
Focal Spat: 0.5 mm
Infierent filtration: 0.8 mmal Eq.es 0 kV
Rating : Msx \(100 \mathrm{kV}, 20 \mathrm{~mA}\) Max output 12 kW
```


## POSKOM

Room 262;404-406, 415 Unitech Ville Bidg.
142. Ifan-iollsandong;gu, Goyang-si, Gyeonggl-do, 410-722, Kotea

Naring : dangerous voltage.
Oanot remove cover, Reserve Servicing to qualifed persarinal
5. MarkandSymbol

| Symbol | Symbol Nane | Meaning |
| :---: | :---: | :---: |
|  | Thận trong | Hương dẫn quan trọng cần thiết để sử dụng sạ̃n phầm |
|  | Nguy hiềm diện áp cao | Chú y sốc điện bằng điện áp thiết bị cao |
|  | Radiation | Nguy co phơi nhiễm phong xa |
|  | Laser Beam | Thận trọng cưa chùm tia laser |
|  | Emergency Switch | Chi đ̣̂nh eông tắc khần cấp |
| $\square$ | ProtectiveEarth | Cho biểt đất bảo vệecho toàn bộ thiết bị |
|  | Thiêt bil loại B | Thiêt bị tiếp xưc không bệnh nhân |
|  | AC Power | Equipment using AC power |
| 1 | ON | Tum power on |
| $\square$ | OFF | Tum power off |


| Symbol | Symbol Name | Meaning |
| :---: | :---: | :---: |
|  | WEEE Tách riêng | Cho biết xứ lý riêng |
| $\Delta$ | Tái chế | Cho biết tái chế |
| N | $\begin{aligned} & \text { Điểm trung } \\ & \text { lạp (IEC } \\ & 60445 \text { ) } \end{aligned}$ | - diềm tưng hòa cuà hệ thống cấp điện |

3. Cấu trưc thiết bị và chực năng
3.1 Structure (Name)


| (a) | Càm biến Cephalo | Thiét bi phát hiện, số hoá và truyền tin hiệlı quét chù thề |
| :---: | :---: | :---: |
| (b) | Chi báo trạng thái | Đây là đèn để kiềm tra trạng thái chiếu xạ tia $X$ và được thay đổi từ màu xanh sang màu cam khi bắt đầu quét |
| © | Thurớc đầu trán | Điều này được sừ dụng để sắp xê̂́p tư thế của người kiềm tra khi quét cephalo |
| (d) | Thanh tai | Điều này đurợc sừ dụng đề sắp xềp tư thế của người kiềm tra khi guét cephalo |
| (e) | Đon vi Cephalo | Đây là mô-dun quét cephalo |
| (f) | Chi báo trạng thái | Đây là đèn dề kiểm tra tình trạng chiếu xạ tia X và được thay dồi từ màu vàng sang màu cam klii bắt đầu quêét |
| (B) | Óng $X$ quang | Đây là thiết bị tapo ra tia X |
| (b) | Đệm cằm | Dươc sì̛ dụng đề căn chinh tư thế của ngưới kiềm tra đề chụp X quang |
| (i) | Mô-đun chuyền đồi | Công tắc để diều chinh chiều cao thiết bị cho phù họp với người kiêm tra và đế điều khiến hoạt động laser, viv. |
| (1) | Công tắc lên/xuống | Chuyền đồi đê điều chinh chiều cao thiêt bi |
| (6) | Công tắc kıẩn cấp | Khi công tắc để bảo vệ người kiểm tra trong trường họ̣p khẩn cấp khi quét bằng cách dưng thiĉ́t bị một cách nhanh chóng (Khi cồng tắc đ̛ược vận hành, nguồn şẽ bị tăt t) |
| (1) | Cột nâng | Chức năng điều chinh chiều cao thiết bị |
| (m) | Hỗ trợ co bản | Module để sưa chữ và cân bằng thiêt bị |
| (n) | Khung fầu | Module hồ trơ module quét |
| © | Đon vị quay | Khi chọn chê độ quét, nó sẽ tự động di chuyển đến vị trí quét và quá trinh quét đượe thực hiện băng cách xoay quanh đầu ngrời kiếm tra khi thực hiện quét |
| (P) | Cảm biến CT/PANO | Thiét́t bị đề só hóa và truyền hình ành đi qua đối trọng (CT, Panotamic) |
| (9) | Thanh tai | Điều này được sứ dung để căn chịinh tur thế của ngưới kiềm tra kli quét |
| ( 1 | Module hỗ trợ thái dưong | Điền nảy được sử dụng để căn chinh tư thế của ngưởi kiểm tra khi quét |
| (5) | Tay dệm cằm | Support fixture to fix the examinee position alignment module Hồ trơ sữa mô-đun liên kêt vị trí cuaa người kiểm tra |
| (t) | Tay càm | Xử lỷ xem người kiển tra có thể lấy giữ ồn định khi căn chỉnh ngưở kiềm tra |

3.2 Phu kiện

| Explanation | Picture of Accessory |
| :---: | :---: |
| Tiêu chuần 1 Edcntulous him Chin Rest |  |
| TMJ bite |  |
| Edentulaus bite |  |
| Tooth Bite |  |
| Temple Support |  |
| Manual  <br> - User Manual <br> - Orthodontic <br> manual  <br> - 3D viewer manual <br> - Image vievêr <br> manual  |  |

3.3. Công tắc phoi sáng

- Sau khi hoàn thành việc chuần bị quét, hỉnh ânl được quét khì nhấn Công tắc phai sáng bên ngoài Phòng che chắn. Công tắc này nên đi̛ợc nliấn cho đến khị quạ trinh quét họàn tât. Nêư công tắc này đa̛ợc giai phóng trong quá trinh quét, quá trinh quét sễ dừng laị



## Công tắc phơi sáng


3.4. Công tắc Lên/Xuống

- Đây là công tắc đề di chuyền cột chinh lên / xuống và nếu nút Lên được nhấn, cột chính sẽ xuất hiện và nếu nút

Xuổng được nhấn, nút này sẽ ngừng hoạt động


Công tắc Lên/Xuống

### 3.5. Công tắc khẩn cấp



Công tắc khẩn cấp nằm bên dượi Khung điều khiển. Nếu trường hhợp khẩn cấp cơ thể xảy ra khi sử dụng thiết bị, hãy ngừng vận hành thiết bị ngay lập fức bằng cách nlấn Công tắc klẩn cấp

- Khi ngưoi kiểm tra có thể bị va chạm vái thiét bị trong quá trình quét
- Khii quét X-ray hoạ̣c lỗi khác có thề xảy ra do sụ cố thiết bi
- Khi quét được thực hiện mà không cần nhấn Công tấc chiếu xa
- Khi quá arinh quét dược thực hiện khi phát hàmh công tấc chiếu xa
- Nếu công tắc khạ̉n cậ́p được chuyển sang hương müi tên đánli đấu, chế độ khẩn cấp được gỉ̉i phông


### 3.6. Công tắc diện

- Nguồn điện của máy có thể được bậtttắt bằng cách sử dụng nút công tắc plúa sau máy

[Diện bật]

[Diện Tắt]


### 3.7.Bảng đuiều khiển


(3)Cột lên / xuống: Cột nâng lên hoặc xuống theo công tắc nhấn ( 700 mm )
(B) Khâu lên / xuống: Khâu mô-đun được di chuyẻ̉n lên đến 80 mm theo công tắc nliấn
(C) LASER lên / xuống: Vị trí chừm tia laser lên hoặc xuống theo công tắc nhấn
(D) LASERR: Khị nhấn công tắc, nó được bật và khi nhấn lần nưa, nó sẽ bị tắt
(E) Nguồn gốc: Nhấn công tá̛c này khị người kiển tra xuất hiệnn sau khi qućt. Thiết bị di chuyển đến vị trí chờ
(F) H(f) TRỢ: Khi nhấn công tắc này sau khi xác định vị trí của người kiểm tra để quét, sự hỗ trợ đền thờ sủa chūa cả hai mặt trán của người kiểm tra một cách ổn định
3.8. Chỉ báo trang thái


- Khi nguồn được cấp nguồn, Đèn báo trạng thái sẽ sáng màu xanh lục.
- Khi tia X được phát ra sau khi bắt dầu quét, nó được chiếu sáng màu cam.
- Khị xày ra lỗi, chị báo trạng thái sê sáng màu đò.
5世,
Green

Orange


Red

## 4. Cách sử dung

4.1 Menu quét

* Có 4 chế dộ quét và cảc chi tiết nliư sau
- Chế độ quét toàn cảnh
- Ché độ quét CT
- Chế độ quét Cephalographic (Line, One-shot Cephalography)


### 4.1.1 Chế độ quét toàn cành



### 4.1.2.CT Scan Mode


4.1.3Cephalometric ScanMode


PA
4.2 Giải thích chi tiết về chương trình quét
4.2.1 Màn hình chinh (Pano/CT/Ceph)

- Khi bắt đầu chế độ quét, màn hình chính xuất hiên như sau
- Chọn chế độ mong muốn đề quét (Pano, CT, Ceph)
4.2.2 Màn hình quét toàn cânh cơ bả̉n



### 4.2.3Basic CT Scan Screen



### 4.2.4.Cephalometric ScanScreen


4.2.5.Common Menu
a Giới tinh: Chọn theo nam, nữ và tré em
a Cài dặt Somatotype: Chọn theo somatotype cûa người kiêm tra
us điẹn áp ống / ống hiện tại: hình ành chính xác hơn có thề thu đ̉rợc thông qua điều chinh
\& CONFIRM: Thực hiện chế độ quét sẵn sàng bằng cảch nhấn nút khi cài đặt thông số đ̛̉ược hoàn thành.

### 4.2.6.Menu cài đặt toàn cảnh



- STAHOARD: As standardpanxamicsan mogas sementiredenta arch
* 5inus:Rode tosensinus cinnin

 ctitalacishapr

TIÊU CHUẢ̉N: Là chế ợ̂ quét tọàn cảnh tiêu chuần, quét toàn bộ vòm răng $\square$ SINUS: Chế dộ quét miền xoang
a TMJ: Chế độ quét khớp nối đồng thời
m Lựa chọn Arch nha khoa: Có thễ thu đự̛̣ hình ãnh chính xác hơn nếu hình ãnh này được chọn theo hình dạng vòm răng
4.2.7.Menu cài dặt CT

m DIA PHU'ONG: Có thể quét miền FOV $5 \times 5$
a NORMAL: FOV $16 X 10$ có thể quét/ maxillary và bắt buộc có thể đurợc quét
a STITCHING: FOV $16 \times 18$ miền có thê dược quét

### 4.2.8 Menu Cài đạt Cephalometric



Phương pháp quét toàn cành và thù tục

|  | Trong quá trình chuẩn bị quét, thiết bị sẽ dị chuyền đến vị trí ban đầu để chuẩn bị quét. Sau khi chuẩn bị quét xong, clo phép người kiểm tra tiến tới thiết bị |
| :---: | :---: |

Luru ý cho Kiềm tra

|  | Sự liên kết tư thế của ngưởi kiểm tra có ảnh hưởng lớn đến chẩt lượg hình ảnh. Để cớ hình ảnh tốt, vui lòng đọc quy trinh và huớng dẫn sau dây. |
| :---: | :---: |
|  | Quét người kiềm tra sau khi tháo các phụ kiện kim loại (kẹp tóc, kính, bông tai, dụng cụ vệ sinh răng niệng, vv). Vật liệu kim loại làm suy giàm chất lượng hinh ảnh bằng cách tạo ra vật phẩm. |
|  | Người kiềm tra nên được quét sau khi mặc quần áo bȧo hộ và bȧo vệ tuyến giáp, và đặc biệt, quét con hoặc mang thai sau khi tham khảo ý kiến bác (ii |

### 4.3 Chuẩn bị quét

- Trước khi bật ngû̀n thiết bị, kiểm tra xem cáp giữa rainbow ${ }^{\text {TM }} \mathrm{CT}$ và PC có được kết nối chính xác không - Ap dụng công suất bằng cách nhấn công tấc nguồn nằm ờ cột sau của thiết bị đề "Tôi"

- Khi sàn phầm không được sừ dụng, hãy tắt nguồn một cách an toàn bằng cách nhấn nút gạt thành " $O$ "

|  | Nếu thiết bị không ả̛ược sừ dụng trong thời gian dài, hãy làm nóng thiêt bị trước 5 phủt trước khi sữ dụng đề kéo dâi tuồi thọ của ống X quang. |
| :---: | :---: |
|  | Khĩ thiét bí đang hoạt động, không thao tác với PC và công tắc điều kliển. Nó có thề gây trục trặc |

4.3.1 Chương trình quàn lý hình ành з tóm tắt

- rainbow ${ }^{T M}$ ImageViewer là chưong trình quăn lý hình ành cho chưong trinh nha khoa cho phép bạn quàn lý và phân tích chần doán nhanh và chính xác, hình ânh a Sự bắt đầu của clương trinh
- Nhấp đúp vào một chương rrịnh quän lý hinh ành "Dễ dàng xem" biều tượng trên màn hình đề chay chương trinh
- "rainbow TM ImageViewer" hoạc lấy thông tin về bệnh nhân hiện có có thê đăng ký một bệnh nhân mới

m Đăng ký bệnh nhân mói
- Đăng ký một bệnh nhân mởi theo thứ tự sau
- Biểu tưọng rainbow TM ImageViewer đự̛̣ tạo khi bạn chạy cửa sổ chinh, như đực hiè̉n thị ở trên

- ID bệnh nhân mới, Tên, Tuổi và sau đó nhấn nút OK để vào đăng ký bệnh nhân

|  | Đề tìm hiều thêm, vui lòng tham khȧo Hướng dẫn sừ dụng "rainbow $\mathrm{TM}^{\mathrm{TM}}$ ImageViewer" |
| :---: | :---: |

Nhập thông tin bệnh nhân

- Nhập tên của bệ̣h nhaâu đã đãng ky̆́, tuôii, ngày, D , bạn có thề truy xuất danh sạch bệnh nhâu Tìm kiểm thông tin bệnh nhân,
bạn có thể kiểm tra caic chi liế ơ phía trên bên trái "rainbow TM InageViewer"
- Caic thỉ sinh có hình ãnh đã đurợ đẵng ký vào ngày tương úng có thề được tìm kiến trong danh sách bằng cách nhấn các nút cuaa ngày hồm nay, 3 ngày, 3 Week, 3 tháng, tụy chinh và tất cà ở dưới cùng của cừa sồ tím kiếm.

- Thông tin bệnh nhân được hiển thị nhu hình dưới đây, và bạn có thề kiểm tra thông tin bệnh nhân và hình ăunh y tế

(2)


## Search History

| Chart No <br> Name $\qquad$ Age |  |  |
| :---: | :---: | :---: |
| 120232 | 슫르포 | 3 |
| 12935 | 항지를 | 2 |

Quét hình ành

- Nhập hoặc thông tin bệnh nhân mới dăng ký Nhập thông tin bệnh nhân
- Vui lòng tham khão chương trinh quản lý hinh ành bên dưới


Nếu tab $A C Q U S I T I O N$ được nhấp, màn hinh quét tia X sẽ xuất hiện.

- Nếl bạn chọn chế độ chụp được hiền thị trong cữa sổ trên màn hinh để chụp
- Vui löng xem chi tiếl bên dưới mồi chể độ chụp


### 4.3.2 Quét toàn cảnh

- Kích hoạt chương trìnlı quản lý hình ảnh được hiển thị trên màn hình bằng cách nhấp vào nó (ACQUISITION Tap)
- Nhấp vào người kiểm tra để quét bằng cách tim kiếm trong chương trình hoặc đăng ký̉ làm bệnh nhân mới
- Chọn ché độ quét toàn cainh trong chuơng trình quản lý ảnh

.-Sau khi màn lị̀nh chính quét toàn cảnh xuất hiện

- Đặt thông số của trung tâm bên phại của chương trình quét
- Đặt chúng theo diều kiện của Người lớn/Nữ / Tré em
- Chọn loại mật độ xương theo kiểu mẫu của nguuờ được khào sát
- Điện thế ống và dòng ổng được đặt thành giá trị mặc định và có thể thu được hỉnh ảnh chính xác hom bằng cách thay đồi theo hình ành két quà

|  | - Nếu điện áp ống và dòng ống có thề cần phải được điều chînh theo cluất lượng hìnhi ảnh, làm cho nó phư hợp với đặc điểm của người kiềm tra vớ tinh chình. |
| :---: | :---: |
|  | - Giá trị hiện tại ống / điện áp ống, nó có thể ảnh hường đển liều tăng lên, và hình ȧ̉nh của bệnh nhẫn trong khi điều chinhh, xin vui lòng sự dưng đề tinh chinh |

### 4.3.3. Kiềm tra sắp xếp tu thế

|  | Quét ugurở kiểnn tra sau khi tháo các phu kiẹ̀n kim loai (kẹp tóc, kinh, bông tai, dung cu vệ sinh răng miệng, vv). Vật liệu kim loại làm suy giàm chất lự̛̣ng hình ành bằng cách tạo ra vật phẩm. |
| :---: | :---: |
|  | Ngrời kiền tra nên dược quét sau khí mặc quần áo bào hộ và bảo vệ tuyên giaíp, và đặc biệt, quét trè hoặc mang thai sau khi tham khảo y kiến bác sti: |

## Kiềm tra sự liên kết

- Hương dần ngrơoi kiển tra thur giãn đề vai có thể song song và duy trì thầng dứng.
- đốt sổng cổ từ cung (xurong cồ) nên thäng đị̛ng
- Loaii bơ tát cî các vậ̣ liệu kim loại cưa người kiền tra nluu kính, bông taì, kép tóc; thiết bị vệ sinh răng miệng, vv Vật liệu kim loại làm giảm chất lương himh anh bẵng cách tạo ra vât phầm
- Cố định phần cà̛m cờn lai và khôi Bite râng trong lố cẳm còn lại và che nắp đậy vệ sinh trên khối Bite (sử dụng chung cho hàm răng thô lồ)

(Tooth Bite Block)

- Làm cho người kiển tra đúnng thằng trên thiết bị đề phù họ̣p với cạ̀m với phần còn lại càm và lấy tay càm bên dưới thiêt bị. (Đạt bàn chân hơi bên trong đường dậy)
- Điều chỉnh chiều cao của thiê̂t bị sao chọ cằm cuả người kiểm tra có thể đạt tới phần cằm bầng cách sử dụng công tắc Lên / Xuống của cột.

- Tia laser sẽ được bât klỉ nhấn nút BÂT / TAT. Vui lòng tiếp tục nhự sau giâí thích
- Chùm dọc đuợc cố định. Đặt vị trí của ngươi kiển tra sao cho chừm dọc nằm ở trung tâm cua khuôn mặt


Beain ngang: Điền chỉnlı chùm ngang để dượng Frankfurt của khuôn mặt của ngurời kiểm tra được khớp với nó. Đường Frankfurt đề cập đến đường thẳng được nối từ dưởi mắt tới mép trên của thịt thính giác bên ngoài nhur trong hình.

- Chùm ngang thấp hơn cố định và có thể điều chỉnh hạt trên bằng cách sử dụng công tắc điều khiển

ys
- Định vị dầm răng ở giưa răng nanh cua người kiềm tra. Công tắc điều kliû̀n cluùm tia được đặt ờ phía bên phâi của mô-đun hỗ trợ dền thờ

- Khi vị trí cûn ngirời kiểm tráa ớ phần cằm, hã̌y cố định cà hai bên đấu của người kiềm tra một cách thoài mái bằng cách ohẩn nứ BẬ / TẢ̃ trong công tắc điều khiển
- Hrỡng dẵn người kiềm tra dế trong quáa trinhl quét, anh ta / cô ấy dóng miệng và đưa luỡi vào vòm miêng
 ciuyyén clo đến khi quá trinh quér hoàn tát.
- Nếu núi CONFIRM năm ơ dưới cừng bên phài cưa màn hình Quét, thiếét bị sê di cluyyền đến vị trí quét. Khi chuyền dộng hoòn lất, công tắc Quét sẽ nhấp nháy. Điều này cho thấy việc chiếu xạ tia $X$ đã sẵ sàng.
- Quét cảc nlhân viên kiền tra với đîùu kiện là giao tiếp bằnglờ nói hoăc ctrự quan vơi ngượi kiềm tra là có thề
- Dên sẽ chuyền thành màu cam trong quá trinh quêt $X$ quang và khi quà trinh quét hoàn tất, đèn sẽ đượ thay dồi maiu xanh luc
- Sau khi quét xong, hướng dẫn người kiển tra bên ngoài phòng che chắn
4.3.4 TMJ Scan (Temporomandibular joint) Mở/ Đöng Chế độ
- Chể độ TMJ có hai chế độ; Mỡ và đớng chế độ. Hinhlı àniı TMJ Close có thề được quét trong cùng một tur thế sau khi quél TMS Open. Căn chinh nguời kiềm tra theo trinh tư sau.
Loại bỏ tất cả các vật liệu kim loại ởrọ̣c deo bởi người kiềm tra nuhu bồng taí; kính, vòng cồ, kẹp tóc, vv Vật liệu hinhh nón làm suy geàm chất luợng lình ành bằng cách tạo ra tạo tác.
$\therefore$ ह电

Cài đặt phần cằm còn lại trên mô-đ̛un hiồ trợ dền thờ

- Hướng dần người kiểm tra đứng thằng ở giữa thiết bị đề cà̀m cuia ngroờ kiển tra có thề được kết họp với phần còn lại càm và nắm lầy tay cạ̀m dưới sự hỗ trợ của ngôi đền. Hương dẫn người kiền tra đặt chân vào bên trong thiết bị. - Diều chinh cột thang máy lên đố cao mà sự kiềm tra không càn thây chông thể khắc phục đề cằm của ngrơoi kiền
 - Dặt mô-dun quét TMJ vào Mô-dun hồ trọ đền thờ.
- Lịm cho người kiềm tra đ̛ơng thẳng trên thiết bị̀ đề phù họp với cằm vớ phần còn lại cằm và lây tay cầm bên dưới thiêt bị. (Dặt bàn chân hooi bên trong đường dây)
- Biều chỉnh tuổi thọ cao đến độ cao thoäi mái bằng cách điều chình công tắc Lễn / Xuống sao cho phao của ngrời kiềnn tra tiếp xúc với plần trên cưa phần cầm.
- Dọc chừm: Dọc chừm được cố đ̛̣inh. Điều chinh khuôn mặt sao cho nó nằm ở trung tâm của chùn tia.
- Beam ngang: Điều chình chùm ngang để đường Frankfưt cưa kluôn mặt của ngrơoi kiềm tra được khớp với nó. Đưởng Frankfuit đề cập đến đường thî̀ng được nối từ dưới mắt tợi mép trển cưa thịt thính giác bên ngoài như trong hinls.
- So khởp dầm răng với góc miệng của người kiềm tra hoặc trung tâm giữa răng nanh và răng cura của người kiềm tra bằng cách diều ĉ̛̣̉inh Tay cầm Điê̂u chinh Chùm Canịne (khớp vói nó bằng cách di chuyền sang trải sang phải)


Đề căn chinh chùm tia laser dọc/ngang, xem Phương pháp quét toàn cảnh

- TMJ Open: Giúp người khảm mợ rộng miệng sau khi nuốt nước miểng. Gây hoơ thỡ bằng mũi đặt lưỡi ờ mặt sau vòm họng
- Sau khi hoàn thành sụ liên kết của người kiềm trạ, nhấn nựt Mờ / Đóng của Công tẳc điều khiền để sừa cà hai mặt của đầu người kiềm tra.
- Hướng đẫn nguời kiềm tra nhắm mắt lại và không di chuyển cho đền khi quá trình quét hoàn tất
- Quét trong khi duy trì tur thế này
- Nếu nút CONFIRM nằm ở dưới cùng bên phải của màn hình Quét, thiế bị sẽ di chuyễn đến vị trí quét. Khi chuyền ãọng hoàn tất, công tắc Quét sẽ nhấp nhảy. Biều này cho thấy việe chiếu xạ tia $X$ dã sẵn sàng.
- Nhấn nút Scan cho đến khi quá trình quét hoàn tầt. Nếu nút Scan đượ giải phóng, quá trinh quét sẽ dừng lại
- Quét các nhân viên kiểm tra với điều kiên là giao tiếp bẳng lời nói hoăc trực quan với người kiền tra là có thề
- Trong quá trinh quét tia $X$, đèn được đồi thành màu cam và klii quá trịnh quét hoàn tất, nó dược đồi thành màu xanh lục
- Hương dẫn ngrừ̛i kiềm tra ra ngoài phòng che chắn sau khi quét xong
- TMJ Đóng hình ành có thề được quét đóng niệ̂ng trong cuing một tut thế sau khi quét TMI Open. Khi hình ành TMJ Open được luru, thông báo hỏi xem hinh ành TMJ Close sẽ được quét liên tục sẽ xuất hiện hay không. Thực hiện quét TMI Close bằng cácli nhấn nút OK . Để hủy bỏ nó. nhấn nút Hủy.
4.3.5 Ché độ quét SINUS (Giai thich bi giam giừ se đượ thêm vào)
- Loại bô tất cả các vật liệu kím loại được đeo bởi người kiểm tra nhur bông tai; kính, vòng cồ, kẹp tóc, vv Vật liệu hinh nón làm suy giàm chất Iương hù̉h änh bằng cách tạo ra tạo tác.
- Cài đặ̣ phần cằn xoang trên thiết bị


Hương dẫn người kiềm tra đúng ợ giữa thiết bị để cằm của người kiềm tra có thể dược kết hợp với phần còn lại cằm và nắm lây tay cầm dưới sụ̂ hỗ trọ cuia ngôi đền. Và sẵp xểp để người kiểm tra dật chần vào bện trong thiết bj̣.

- Diều chinh cột thang mảy lên độ cao nà sự kiềm tra không càm thấy không thề khắc phục đề cằm của người kiềm tua chạ̣ vào phâ̂n cã̃m bẵng cạ̛ch sử dụng công tắc Lên / Xuống. Đật cẳm cưa người kiểm tra vào phần cẵm.
- Làm cho người kiềm tra thư giãn cho val đê dược song song và duy trì tur thé thẳng đứng.
- Dốt sống cồ từ cung (xurong cố) nên được kéo dài thẳng


|  | Cẩn thận klô̂ng hương tia laser lên mắt cùa người nghiên cứu. Nỏ có thê gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho tầm nhìn. |
| :---: | :---: |
|  | Tia laser sẽ durợc bật khoảng 3 phút khi nó được bật và khi thời gian trôi qua, nó sẽ tụ động tắt. Đề bật lại, nhẩn nút Bật / Tắt |

Chùm dọc được cố định. Căn chinh tur thể sao cho giá trị trung bỉnh theo chiều dọc được đặt ở giữa khuôn mặt cùa ngrơời kiểm tra

(Xử lý điều chinh chùm Canine)
Khớp chùm tia nanhì với góc miệng hoặc vào giưa đầu tiên của thí sinh với tay cầm điều chinh chùm tia (So khớp nó di chuyền sang phài.sang trái)

- Nếu sự sắp xếp cuia 3 đường laser được hoàn thành, hãy sửa trán của ngượi kiềm tra bằng cách ohấn nút Hồ trợ Dền thò'
- Hırớng dẫn người khám mắt nhắm mắt
- Làm cho thiểt bị ở chế độ sẵn sàng bằng cách nhấn nút Xảc nhận nằm ở dưới cùng bên phài của Chương trình Quêt Màn hình PC sau khi hoàn thành việc căn chỉnh tur thế của người kiềm tra
- Khi nhấn nứt Xác nhận, công tắc Quẹ́t nằm bên ngoài phòng che chẳn nhấp nháy thông báo rằng chiếu xạ tia $X$ đã sẵn sàng Nhấn nút Quét cho đển khi quả trịnh quét hoàn tất
- Trong quáa trình quét tia $X$, đèn sé được đồi thành màu vàng và klỉ quá trình quét hoàn tất, đèn sẽ được đồi thành màu xanh lục
- Sau khi quét xong, hướng dẫn nguời kiểin tra bên ngoài phòng che chắn

| CHÚ Ý | Tham khảo chnỗi quét tia X l.Đóng cừ phòng che chắn <br> 2. Bắt đầu quét bằng cảch nhấn Quét chuyền đổi giảm sát ngưở kiềm tra từ bên ngoài phòng che chắn <br> 3. Nhấn nút cho đêén khi quá trịih quét hoàn tất và sau khi hoàn thành quá trình quét, nhả nuit <br> 4. Nếu nút được nhà trong quá trình quét, quả trình quét sẽ dừng lại |
| :---: | :---: |
|  | Nếu sự cổ xày ra trong quá trình quét, hãy ngùmg vận hành thiết bi ngay lập tức bẳng cách nhả nút Tắt hoặc nlẩn nút Khần cấp nằm bên dưới khung điều kliển Ngrời vận hành luôn theo dŏi nguò̀ kiềm tra đêe phản hồi sự cố ngay lập tực trong quá trình quét X quang |

## -4.3.6 Xem hình ành đurợc quét



- Dề lunu tữ linh ảnh được quêt cloính xaic, nhấn nút Kết thác.




TMI lmage

4.3.7 Kếr thúc quét

- Xác minh xem hình ành có thu được chính xác không
- Hỗ trơ đền thờ mở và hướng dẫn người kiềm tra ra ngoài
- Tháo vó bọ vinyl vệ sinh cuia khối Bite
- Bặt thiết bị quay về vị tri ban đầu đề quét tiếp theo


### 4.4 Quét CT

4.4.1 Mở đầu kiềm tra trước khi quét CT

- Nhập tên của bệnh nhân đã đãng ký, tuồi, ngày, ID, bạn có thè̉ lấy danh sãch bệnh nhân Tỉm kiếm thông tin bệnh nhân, bạn có thề kiềm tra các chi tiết ợ phía trên bên trải "rainbow TM ImageV iewer"
Các thí sinh có hình ảnh đã được đăng kỷ vào ngày trơng ứng có thể được tìm kiếm trong danh sách bằng cách nhấn các nút của ngày hôm nay, 3 ngày, 3 Week, 3 tháng, tùy chinh và tạ́t cả ở dưới cùng của cưa sồ tìm kiểm

- Thông tin của ngırời kiểm tra được tìm kiểm được hiển thị như hình bển dưới và thông tin của người kiểm tra, ngày quét và hình ảnh được quét có thề được xác minh.


39

Chế dộ quét CT

- Mở thông tin của nguời đtrợc khào sát để quét hoặc mở thông tin cưa người kiền tra có liên quan bằng cách đãng ký mới
- Vui löng tham khão chương trinh quàn lý hình ȧnh đê quét

4.2.1 Bắt đ̛à̀u chương trinh quét CT
- Kích hoạt chương trinh quả̃ lỷ hình a anh đurợc hiền thị trên màn hình bằng cách nhấp vào nó
- Nhấp vào người kiềm tra để quét bằng cảch tim kiểm trong chương trinh hoặc đăng ký làm bệih nhân mới
- Chọn chế dộ Quét CT trong chirong trinh quản lý hình ann

- Thông tin sau xuất hiện trên màn hình chíulh, vui lỏng nhấp vào nút CT
- Nếu chế độ quét được chọn, thiết bị sẽ di chuyền đến vị trí quét ban đầu.

|  | Kliông. nên cập .hhậthệ diêù hànl (OS) trong máy tinl |
| :---: | :---: |
|  | Kiểm tra xem thồng tin của nguời kiềm tra có được hiền thị ờ đầu cưa sồ thông tin cuaa ngrời kiềm tra trùng vớt tên cùa aqùi kièmn tra đực quét hay không. |

Mànhình chinnh quét xuất hiện như dưới đây. Nhấp vào tab CT

- Khỉchế độ quét được chọn, thiết bị sẽ di chuyền đến vị tri quét ban dầu



### 4.4.3. Tùy chọn chụp

Kiềm tráa xem tên của ngươi được khào sát có được quét trủng vợi thồng tin cưa người kiểm tra hay không

Thiết lập các thông số ở trung tâm bê̂n phải cuà chương trình quét (Local; Nomal, stitching)

## Đặt chủng theo điều kiện cùa Ngươi lợn/Nữ/Trè em

Chọn loại mật độ xương theo kiều mẫu cúa người được khào sát

Diện thé ống và đòng ống được đặt thành giá trị mặc định và có thề thu được hình ănh chính xác hơn bằng cách thay đồi theo hình ảnh kêt quà

|  | Nếu đị̛̣̂n áp ống và dòng ống có thể cần phạỉ được diều chinh theo clất lượng hinlỉa ành, làm cho nó phù̀ lọ̣p với dặc điểm của nguời kiền tra với tinh chỉnh. |
| :---: | :---: |

- Giá trị mặc địñỉ của Chế độ CT được hiến thị ở bên trâi (NORMAL -STANDARD)
a CTFOV

| ITEM | LOCAL | NORMAL | STITCHING |
| :--- | :--- | :--- | :--- |
| FOV SIZE | $5 \times 5$ | $16 \times 10$ | $16 \times 18$ |

- Chế độ quét tiêu chuấn durọç dật ờ chế dộ Binh thường
* NORMALMode

| ITEM | FAST | STANDARD | HIGH <br> RESOLUTION |
| :--- | :--- | :--- | :--- |
| VOXEL SIZE | 300 | 300 | 200 |

- Ché độ quèt dược đặt thảnh tiêu chuẩn. Chọn chể độ Độ phân giaii nhanh hoậc Độ phân giải cao theo mục đích sử dụng (NHANH: độ phân giai thấp, TLÊU CHUAN: Độ phân giài bình thuờng, CAO : Độ phân giài cao)
4.4.4.

Kiểm tra sắp xếp và quét

|  | Sư liên kết tur thế cuaa người kiềm tra có ành hương lớn đến chất lương hình ânh. Do đó, đề có được hình ânh tốt, vui lòng đọc quy trình và hưởng dần sau đây. |
| :---: | :---: |
|  | Quét người kiềm tra sau khi tháo các plị̣ kiện kim loại (kệp tóc, kinh, bông tai, dụng cu vệ sinh răng miệng, vv). Vật liệu kim loại làm suy giän chẩt lượng hình ành bằng cách tạo ra vật phầm. |
|  | Ngượi kiềm tra nến được quét sau khi mặc quần ảo bảo hộ và bào vệ tuyền giạ́p, và đặc biệ̣, quét trè hoặc mang thai sau khi tham khào y kiến bác sĩ. |

- Hướng dẫn người kiềm tra thự giãn để vai có thề song song và duy trì thẳng đứng.
- đốt sống cổ tử cung (xuơng cổ) nên thẳng đứng
- Loaai bỏ tất cả các vật liệu kim loại từ các thí sinh như kínli, bông tai, kẹp tơc, thiết bị vệ sinh răng miệng, vy Vật liệu kim loại làm suy giàm chất lự̛ng hinh ânh bằng cách tạo ra vật phầm
- Che nắp đậy yệ sinh trên khối Bite (sừ dụng chung cho hàm thổ tục). Cắn khối cắn sau khi cố định phần cằm còn

lại và răng Bite khối trong phần còn lại cằm
THAN

TRONG | Thay thế nẳp vệ sinh bằng nắp mới cho người kiềm tra tiếp theo. Nó có |
| :--- |
| thếy nhiêm trựng |

- Làm cho ngırởi kiềm tra đứng thẳng trển thiết bị để khớp cẳm với phẩn còn lậ cằm và lấy tay cầm bên dưới thiét bị.
- Điều chình chiều cao của thiết bị sao cho cằm của nguời kiềm tra có thề đạt tới phần cằm bằng cách sử dụng công tắc Lên / Xuống của cột.
- Làm cho người kiểm tra cắn đường rãnh phía trước của Bite sử dụng răng hàm trên và dưới
- Anlh của Switch Module
- Tia laser sẽ được bật khi nhấn nủt BẬT / TÅT. Vui lòng tiểp tục nhu sau giải thich

- Chùm dọc được cố định. Định vị người kiểm tra sao cho chủm dọc nằun ở trung tâm cúa khuôn mặt.
- Diều chinh chùm ngang đề nó có thề vuông góc với đường Frankfort cuaa khuôn mặt cưa người kiểm tra
- Dòng Frankfort đề cập đến dương thẳng nối từ điềm dưới mắt tới điềm đầu cannh cuac thịt thỉnh giác bên ngoài
- Chùm ngang thấp hơn cố định và có thề điều chỉnh hạt trên bằng cách sử dụng công tấc diều kliển

- Chùm lia dưởi được cố định và cơ thê diều chinh clửm trên bằng cách sự dụng công tấc Điều khiễn Lên / Xuống.

|  | Cần thận không huớng tia laser lên mắt cưa ngurời nghiên cứu. Nó có thể gây ra thiệt lạ̣i nghiêm trọng cho tầm nhin. |
| :---: | :---: |
| (3) CHOY Y | Chùn tia laser tur động tát khi bất đầu quét |

- Khi vị trí của người kiền tra ở phần cằm, hẫy cố đị̣h cả hai bền đầu của người kiềm tra một cách thoải mái bằng

- Kiê̂m tra xem người kiềm tra có nhăann mẵt lại không. Huớng dẫn người kiểm tra duy trì tur thế mà không cần di chuyền cho đến khi quá trinh quét hooàn tất.
- Quét các nhân viên kiền tra với điểu kiệ̂n là giao tiếp bằng lơi nói hoặ̆ trực quan với người kiềm tra là có thể
- Nếu nút Xác nhận nằm ở botton bên phài cuaa màn hiinh quét, thiết bị sễ di chuyŷ̂̀n đến vị trí quét. Sau khi hoàn thành chuyền động, Scan buttin sẽ nhấp nhảy cho biết rẵng việc cliếu xa tia $X$ đã sẫn sàng.
- Nhấn nút Scañ cho đến khi quá trinh quét hoàn tất: Khí nhà nút trong khi quét, quá trình quét sẽ dưng lại
- Đèn sẽ chuyê̂n thành màu cum trong quá trinh quét X quang và khi quà trỉnh quét hoàn tất, đèn sẽ đự̛̣ thay đồi màu xanh luc
- Sau khi quét xong, hương dẫn ngươi kiềm tra bên ngoài phoong che chắn
- Sau khi quét xong, màn hinh sau sẽ xuầt hiện đề tái tạo lại hingh ânh


Hinh ành được quét gần đây được chuyền đồi thành tệp DICOM và được lưu trữ trong cợ sở dữ liệu của người kiềm tra

- Hình ảnh dượe quét có thể được xem trong chương trinh quản lý hình ành. Khi chọn tên cùa nguời kiềm tra trong danh sách người kiềm tra, các hình ảnh được quét gần đây được liệt kê. Nếu hình ạnh mới nhất được chọn, nó cớ thể được xem bẳng cách liên kết với Chuoong trình Trinh xem 3D
a a Xem hinh ȧnh được quét (Trinh xem 3D_Trinh xem 3D rainbow ${ }^{\text {TM }}$ )



### 4.5 Quét ảnh Cephalometric

4.5.1 Bắt dầu churong trinh quét cephalometric

- Trong chế độ Quét Cephalometric, cô thêe quet trong tổng số 4 chế độ

- Kich hoạt churơng từuh quin lý hinl ánh durợc hiền thị trên màn hinh bà̀ng cách nhấp vào nó


Nhấp vào nguời kiểm tra để quét bằng cách tim kiếm trong chưong trinh hoạc đảng ký làm bệnh nhân mới

- Kích hoạt chương trinh quản lý hìnlı ành được hiển thị trền màn hinh bằng cách nhấp vào nó (ACQUISITION Tap)
- Chọn ché độ Cephometric Scan trong churong trinh quân lý ành

|  | Không nên cập nhật thệ diều hành (OS) trong máy tính. |
| :---: | :---: |
|  | Kiền tra xemu thồng tin cua ngrơơi kiển tra có được hiễn thị ở đầu cưa sổ thông tiǹ cuaa nguời kiền tra trùng với tên cuia ngươi kuềm tra được quét hay không. |

Màn hình chính quét xuất hiện nhur đưới đây. Nhấp vào tab Ceph

- Khi chể độ quét được chọn, thiết bị sẽ đi chuyền đến vị trí quét ban đầu

4.5.2 Thiết lập môi trưòng quét
- Kiềm tra xem tên của ngrời được khào sát có dược quét trùng với thông tin cuia người kiển tra hay không
- Đặt các thông số ở trung tâm bên phải của chương trinh quét
- Đặt chúng theo điều kiện của Người lớn / Nữ / Trẻ em
- Chọn loai mật độ xương theo kiểu mẫu của nguời được khào sát
- Điện thế ống và dòng ổng được đặ̣ thành giá trị mặc định và có thể thu dược hình ành chính xác hơn bằng cách thay đồi theo hình ành kêt qua

|  | Nếu điện áp ống và dòng ống có thè̉ cần phài dược diều chinh theo chất lượng hỉnh ành, làm cho nó phư hợp với đậc điềm của người kiềm tra vóli tinh chinh. <br> Xem Phụ lục I đ̛è biết giá trị thích hợp theo chê độ |
| :---: | :---: |

-- Khi lựa chọn được thực hiện, hãy bắt đầu căn chinh tư thế của người kiềm tra
4.5.3 Kiểm tra sắp xê̂p và quét

|  | Sự liên kết tur thế của người kiểm tra có ảnh hưởng lợn dến chất lương hỉnh ănh. Do đó, để có được hình anh tốt, vui lòng đọc quy trinh và hướng dẫn sau đây. |
| :---: | :---: |
|  | Quét người kiểm tra sau klii tháo các phụ kiện kim loại (kẹp tóc, kính, bông tai, dụng cụ vệ sinh răng miệng, vv). Vật liệu kim loại làm suy giàm chất Lượng hình ảnil bằng cách tạo na vật phẩm. |
|  | Người kiểm tra nên được quuét sau klii mặc quần ảo bảo hộ và bảo vệtựền giáp, và dặc biệt, quét trè hoặc mang thai sau khi tham khảo ý kiến bác sĩ. |

: Kiềm tra sự liên kết

- Hướng dẫn người kiềm tra thư giân để vai có thể song song và duy tri thẳng đững.
- đốt sống cồ tư cung (xương cồ) nên thẳng dứng
- Loại bỏ tất cà các vật liệu kim loại tự các thí sinh nhự kính, bông tai, kẹp tóc, thiết bị vệ sinh răng miệng, vv Vật liệu kim loại làm suy giám chất lượng hình ảnh bằng cách tạo ra vật phẩm
ェ Chế độ phía trước
- Để căn chīnh tư thế của người kiềm tra, đảm bảo không gian ồn định mờ rộng khoảng cách giữa các thanh taỉ bằng cách nhấn nút như hình dưới đây


Khi quét ờ chế độ Mạạt tước, gấp thước kè trán (hình änh) lên trên

- Hương dẫn ngurời kbảo sát đến vi trí quét Cephalometric
- Hương dẫn người kiểm tra duy trì tư thêe đúng cách


Điều chỉnh chiều cao của đơn vị Cephalometric phù hợp với người kiểm tra bằng cách sừ dụng côing tắc Lên / Xuống cua cột.

- Sau khi điều chỉnh nó, điều chinh các que tai phù hợp yới lỗ tai của nguời kiểm tra
- Nhấn nút Xác nhận
- Ra khoỏi phòng che chắn và bắt đầu quét bằng cách nhẩn công tắc chiếu xạ quan sát người kiềm tra
- Quét các nhân viên kiềm tra với điễu kiẹn là giao tiếp bằng lời nói hoặc trực quan với người kiểm tra là có thề
- Dèn sẽ chuyền thành màu cam trong quá trinh quét X quang và khi quá trinh quét hoàn tất, đèn sẽ được thay dổi màu xanh lục
- Sau khi quét xong, hướng dẫn người kiểm tra bên ngoài phòng che chắn
-     - Chế độ bên
- Đề căn chinh tư thế cuia người kiềm tra, đảm bào không gian ổn định mở rộng khoàng cách giữa các thanhì tai bằng cách nhấn nút như hình dưới đây


|  | Sự liên kết tur thé cuà ngườ kiền tra cóa ành hường lớn đến chất lương hình ảnh. Do đó, đề có đự̛̣c hình ãnh tốt vui lòng đọc quy trinnl và hướng dẫn sau đây. |
| :---: | :---: |
| THÂN TRONG | Quét nguời kiềm tra sau khi tháo các phụ kiện kim loại (kep tóc, kính, bông tai, dụng cụ vệ sinhl răng miệng, vv). Vật liệu kim loại làm suy giàm chất lượng hình ành bẳng cách tạo ra vật plẩm. |

Hướng dẫn người klảo sát dến vị tri quét Cephalometric

- Huơng dẫn người kiểm tra duy trì tur thế díng cách
- Điều chỉnh các que tai phù họ̣p với lỗ tai của người

-- Điều chinnh bền đươơi mắt và trên cù̀ng của khu vự đề song song vơii sàn. Phù ḥ̣p với người cai trị trán đến điềm tại trán cừa thí sinh như trong hình
-- Hướng dẫn người kiểm tra đề thư giãn sự căng thằng ở cồ và vai và đưnng đúng tur thé
-- Điều chỉnh chiều cao của đon vị ceplialometic phù họp với ngrời kiển tra bằng cách sử dung công tắc List Colume Up / Down.
.- Nhấn nút Xác nhận
- Hướng dẫn người khám mắt nhắm mắt lại, Hướng dẫn người kiểm tra duy trì tình trạng đó mà không cần di chuyền cho đến khi quả trình quèt hoàn tất.
- Ra khöi phòng che chắn và bắt đầu quét bằng cảch nhấn công tắc chiếu xạ quan sát người kiềm tra
- Quét các nhân viên kiểm tra với điều kiện là giao tiếp bằng lời nói hoặc trục quan với nguời kiểm tra là có thể
- Đèn sẽ chuyền thành màu cam trong quá trinh quét $X$ quang và khi quá trình quét hoàn tất, đèn sẽ đurọe thay đồi màu xanh lục
- Sau kbi quét xong, hướng dẫn người kiền tra bên ngoài phòng che clián
- Chế độ SMV (Submental-vertical)
- Diều chinh tur thé̉ của nguời kiềm tra theo trinh tư sau
- Saru khi gấp thước trán lên trên nhu thề hiện trong hình, điều chinh khoảng cách giữa các que tai với đủ không giau


| CHU' X' | Sụ liên kết tư thế cina người kiềm tra có ảnh hưởng lớn đến chất lưọng hình ành. Do đó, đê có được hình ảnh tốt, vai lòng đọc quy trình và hướng dẫn sau đây. |
| :---: | :---: |
|  | Quét người kiềm tra sau khi tháo các phụ kiện kim loại (kep tóc, kính, bông tai, dụng cụ vệ sin̄h rặng miệng, vv). Vật liệu kim loại làm suy giàm chật lượng hitinl ành bằng cách tạo ra vật phầm. |

Hương dần người kiềm tra đến thiết bị Cephalometric và định vị chính xác về phía ống X quang - Hướng dần người kiển tra duy trì tư thế đúng cách


- Điều chỉnh các que tai phụ hợp với lỗ tai của người kiềm tra
- Điêu chîinh chiều cao của đơn vị cephalometic phư hợp với người kiềm tra sử dụng công tắc List Colume Up/Down..
- Sau khi điều chinh chiều cao, điều chinh thanh tai phù hợ với lỗ tai của người kiểm tra.
- Điều chinh mặt phẳng Frankfort của ngườ đo vuông góc với sàn trong tư thế đề uốn đầu ra sau uhur được trình bày bên dưới

- Nếu căn chình của người kiểm tra hoàn thành, nhấn nút Xác nhận nằm ở phía dưới cùng bên phải của chuơng trinh quét

|  | Nếu sự cố xảy ra trong quá trình quét, hãy ngừng vận hành thiết bị ngay lập tưc bằng cách nhả nút Tắt hoặc nhấn nút Khẩn cấp nằm bên dưới klung điền khiển Người vận hành luồn theo dõi ngrơơ kiểm tra đê phản hồi sự cố ngay lập tức trong quá trình quét $X$ quang |
| :---: | :---: |

Hướng dẫn người khám mắt nhẳn mẳt lại. Hương dẫn người kiền tra duy trì tinn trạng dó mà không cần dí chuyền cho đến khi quá trinh quét hoàn tất:

- Ra khôi phòng che chắn và bắt đầu quét bằng cách nhấn công tắc chiếu xạ quan sát người kiềm tra
- Quét các nhân viền kiềin tra với điều kiện là giao tiếp bằng lời nói hoặc trực quan với người kiềm tra là có thể
- Nếu nút CONFIRM nằm ở dươi cùng bên phải của màn hình Quét, thiết bị sẽ di chuyền đến vị trí quét.
- Nhấn nút Scan cho đến klị qưa trình quét hoàn tất. Khi nhà nút trong khi quét, quá trình quét sẽ dừng lại.
- Đèn sẽ chuyền thành màu cam trong quá trình quét $X$ quang và khi quá trình quét hoàn tất, đèn sẽ được thay dồi màu xanh lục
- Sau khi quét xong, hương dẫn nguời kiềm tra bên ngoài phòng che chắn
4.5.4 Xem hinh ành dượ quét
- Hînh ảnh được quét được lưu trong chương trinh quän lý hình ảnh. Khoảnh khắc này, thông báo hỏi xem hình ành có liên quan có đ̛tự̛ lưu hay không và lưu hinh ảnh đã quét, nhẩn nút kểt thúc và để hủy nó, bấm nút Hưy
- Hỉnh ânh được quét sẽ được luru trong chuơng trình quàn lŷ́ ành tự động và khi nhấp vào tên của người kiềm tra, danh sách hình ảnh se dượ sắp xếp lại. Hinh ânh mới nhất nẳm ở bên trái.
- Nếu hinh ảnh mới nhầt được uhấp đưp, nó có thể được xem với hỉnh ảnh phóng đại


Kiềm tra chất lượng hinh änh

- Đề biết thêm chi tiêt, vui lòng ham khào hướng dẫn sử dụng rainbow ${ }^{\mathrm{TM}} \mathrm{CT}$
- Nếu bạn muốn luru hính ành với hinh ảnh sáng hoặc hinh ảnh tối, vui lòng tham khảo bên dưới.
- Chức nāng điều chinh dộ sảng Nếu bạn đạt con trô vào hình ãnl được quét vả kéo sang trái trong khi nhấn nû́ chuột trái, hình ảnh trờ nên tối hon và néu bạn kéo chuộ từ trái sang phải, hình ảnh trở nên dậm hon. Sau khi điều chinh hỉnh ảnh, hãy luu nó


## 5 Bảo trì

5.1.Bảo trì hằng ngày yà danh sách kiểm tra

- Khi làm sạch thiêt bị, chà nhẹ nhàng bề mặt bằng vaii khô mềm và phẳng
- Trảnh nơi bị nghiêng hoạac bị sốc
- Không đặt thiềt bị hoặc bộ phận tại có nước hoặc độ ầm cao
- Đăt thiết bị ở noi không bị̣ ành hươnng bời nhiệt độ, thông gió, ánh sáng, buii, muối, v.v.
- Không kéo phich cắm diện ra bằng lực mạnh, điều đó có thề gây ra lồi thiêt bị và sốc điện
- Không đặt thiết bi gần kho chứa hóa chất hoặc kho chứa khi
- Nếu nhiều nước hoặc chẩt lơng xâm nhập vàoo thiết bị, hãy tắt thiết bị ngay lập tức và nhận trợ giúp từ chuyên gia


### 5.2.Danh sách kiểm tra hàng ngày

- Các thiê̂́t bị và các thành phần nên dược duy trì nhu điều kiện cơ bản.
- Nê̂́ thiết bị durợc sử dưng sau khii klôong sữ dụng trong một thơi gian dài, hãy kiển tra xem thiết bị có hoạt động không
- GYChi có chuyên gia đủ điều kiện mới có thề kiềm tra thiết bi
- KKiềm tra xemn thiêt bị có sử dụng điện áp tiêu thụ và diện áp dược chỉ dịnh không
- Kíaîm tra xem thiết bị có được nộ́ đất tốt với sàn không


### 5.3 Bảo trì chung

Nếu bất kỳ vấn đề nào có thè xày ra trong quá trình sử dụng, hãy ngìung hoạt động thiết bị ngay lập tức và xự lý vấn đè sau khi xác định chinh xác nó
Khi thiết bị gặp sự cố, vui lòng yêu cầu trợ giúp cho nhà sàn xuất

- Vệ sinh chung

Sử dụng bất kỳ thành pliần nào mà người dừng tiếp xúc nluu phần còn lại cằm, khối cắn, vv, sau khi vệ sinh.

- Plurong pháp làm sạch

Làm sạch thiết bị bă̆ng văi sạch phun dung dịch làm sạch đề phòng ngùa nhiễm khuần hoặc $80 \%$ cồn etyl và không sừ dụng lụ̣c quá mực hoặc không sừ dụng vật sằc nhiọn.

- Làm sạch dự phòng

Làm sạch các liuh kiện điện từ sau khỉ ngắt kết nối nguồn điện.
Không sừ dụng khị nén hơặc chất lòng.
Không đề chất löng hoạc vật liệu lạ rợi vào bên trong thiét bị.
Không sự dụng lực quuả mức. Nó có thể gây ra lỗi thiết bị
Cấm tháo rời sàn phầm.
(Khi người dủng có thè̀ thão rời sản phẩm một cách tùy ý, nó có thề bị loại trìr khỏi bảo hành)

### 5.4.Săn phả̉m và dịch vụ bảo hành

### 5.4.1. Thời gian bảo hành

Bảo hành sản phẩm 2 năm sau khi cài đặt

### 5.4.2. Các trường lợp klıông bảo hành

Nếu người dưng tháo rời, sữa chữa, sửa đồi, wv thiết bị mà không được phép
Nếu sàn phầm có thề bị höng hợ̣̆c tai nạn cọ́ thể xày ra do sur sơ suất của klắch hàng
Thiên tai (sét, lưa, bão và lự lụt, vv)
Các trương họp lỗi sàn plầm xây ra do bộ phận hoặc tiêu hao kliông dược nhà sàn xuất bào hành

"CẢNH BȦO: Không sùa đổi thiết bị này mà không được phép của nhà sàn xuất." Việc kliông tuân thù có thể gây hus höng nghiềm trọng cho thiết bị và con nguời

### 5.4 Các lỗi cần chú ý

Nếu sự cố sàn phầm có thể xày ra trong quá trình sử dụng, liãy đọc phần tiếp theo và thực hiện biện pháp thich hop.
Nếu cưng một vấn đề cơ thề tồn tại hoạc không được giải quyết sau klii thực hiện biện phạp, hãy liên hệ với nhả phân phối hoặc trung tâm hồ trơ khách hàng gần đó


Nếu thiết bị đang hiền thị một số chức năng của mal, vui lòng tham khảo sự cố khi chụp trước. Nếu hiện tự̛̣ng dó vẫn còn tồn tại, vui lòng liên hệ yới đại diện dịch vụ cưa bạn hoặc DENTIUM đế.được khắc phục

Khi thiêt bị klông hoạt động

| Triệu chưng | Sưa lỗi |
| :---: | :---: |
| Khi thiêt bi không bật | Kiềm trà xem phích cắm diện có dược kết nối với ô diện tốt hay không. Kiển tra xem công tác nguồn có được bật klông <br> Kiềm tra xem công tấc khẩn cấp có đurợc nhấn không |
| Khi thiết bị hoạt động bất thươngy | Tắrngư̂̀n thiết bị và klợi động lại Tất nguồn máy tính và khời động lại |

Khi thạ̣ khó dề sâp xếp ngưởi kiểm tra bới vi chừin tia laser bị tất

| Công tằc điêu khiền | Sưa lỗi |
| :---: | :---: |
| Nút Laser trong Mô-dun chuyền mạch diều khiền | Bật laser bằng cách nhấn công tắc laser và thục hiện căn chinh cho ngrời kiền tra |
| Khi thiêt bị klhông hoạt dộng | Sử dunng thiết bị sau khi klợi dộng lại bẳng cách tắt nguồn thiêt bịSư dung thiết bị sau khi khởi động lại bẳng cách tắt nguồn thiết bị |
| Nếu triệụ chưng này cuua chùm tia laser có thê vẫn tồn tại, hãy liên hệ với trung tâm hồ trợ khách hàng gằn đó |  |

Khời tạo thiết bị

| Triệu chứng | Sữa lỗi |
| :---: | :---: |
| Khời tạo thiết bị bất thường | Bật thiết bị sau khi tắt thiết bị và kiếm tra xem thiết bị có hoal động hay không. Nếu sự cố cọ thề vẫn tiếp diễn, häy liên hệ vơi trung tâm hỗ. trợ khách hàng gần dó |

Hoạt động chuyền mạch chiếu xạ

5.4.1 Hoạt động bất thường của cột nâng

| Triẹu chứng | Sưa lỗi |
| :---: | :---: |
| Máy hoạt dộng khi không ấn công tắc | Kiêm tra công tắc có bị đè không |
| Máy không hoạt động khi ấn cong tắc | Kiểm tra xem dây nối có kết nối với thiết bị không |
| Máy không hoạt động khi ấn công tắc | Bật thiết bị sau khi tắt thiết bị và kiểm tra xem thiết bị có hoạt động hay không. Nếu sự cố có thể vẫn tiếp diễn, hãy liền hệ với trung tâm hỗ trọ̣ klách hàng gần đó |
| Nếu sự cố có thể vẫn tiê̂́p diễn, hãy liên hệ với trung tâm hỗ trợ khrich hàng gần đó |  |



6 Thông số ky thuật
6.1 Thông số chung

| Mặt hàng | Detail |
| :---: | :---: |
| Chế độ có thể quét | Panorama, CT, Line Cephalometric, One-shot Cephalometric |
| Xray Beam | Cone Beam |
| Thuật toón Lái tị̂o hinnt ảnla | Thuạt toán Recon theo thời gian thực |
| Dynamic Range | Thuật toán Recon theo thòi gian thự |
| Tu hî̛ kiển ura | Đưng thẳng, ngồi ghế |
| Loại bức xạ tia X | Chế độ liên tục (PANO+Cephalometric), Động cơ mạch (CT) |
| Góc guay | $360^{\circ}$ |
| Sốluọng tia Laser | 4 Beams (Horizontal 2EA, Vertical IEA, Canine 1EA) |
| Thơi gian tái thiếl | Trong vông 1.5 phút |
| Focal Spot Size | $0.5 \times 0.5(\mathrm{~mm})$ |
| Tríc dộ dư liệu | IGigabit |

### 6.2 Kích thuóc CT FOV

| Chế dộ | Kích thước FOV <br> (cm) |
| :---: | :--- |
| Cục bộ (LOCAL) | $5 \times 5(\mathrm{~cm})$ |
| Tiêu chû̂̂n <br> (STANDARD) | $16 \times 10(\mathrm{~cm})$ |
| Chế độ hàn dính <br> (STITCHING) | $16 \times 18(\mathrm{~cm})$ |

6.3 Kích thướ Cephatonetric FOV

| Mode | Kích thuốc FOV <br> $(\mathrm{cm})$ |  |
| :---: | :---: | :---: |
| One-shot mode | $23 \times 20(\mathrm{~cm})$ |  |
| Line Cephalo mode | $28 \times 22(\mathrm{~cm})$ |  |

6.4 Thòi gian quét

| Chế độ | Kích thước FOV (Sec) |
| :---: | :---: |
| Panoramic / toàn cảnh (Người lớnTrẻ̉ con) | 19Sec |
| Cephalometric (Một lần) | 1.0 Sec |
| Cephalometric (Quét thẳng) | 19 Sec |
| CT | Thời gian quét 19 giây, tổng thời gian chiếu xạ là 10 giây <br> (17.24msX600pulse) |

6.5 Electrical Specification and Environment

| Đề mục | Thông số | Ghi chú |
| :---: | :---: | :---: |
| Dòng điện đầu vào | $110 \mathrm{~V}-240 \mathrm{~V} \sim 50 / 60 \mathrm{~Hz}$ |  |
| Mức tiêu thụ năng lương | 2.2-2.0kVA |  |
| Biên độ dòng điện | $60 \mathrm{kV} \sim 100 \mathrm{kV}$ |  |
| Biên độ ống | $4 \sim 12 \mathrm{~mA}$ |  |
| Mạch bảo vệ | Over Current, Over Kv |  |
| Mật độ INV | 40 kHz |  |
| Loại truyền dữ liệu | ETHERNET Communication |  |
| Điêu kiện môi trưòng | Điểu nhiệt nhiệt dộ hoạt dộng: $+10^{\circ} \mathrm{C} \sim+30^{\circ} \mathrm{C} \text { Độ ẩm: } 30 \% \sim 75 \%$ |  |
|  | Nhiệt độ bảo quản: $-10^{\circ} \mathrm{C} \sim+60^{\circ} \mathrm{C}$ Độ ẩm: $10 \% \sim 75 \%$, không có sức nén Khi bảo quản máy, giư máy trên mặt phẳng |  |
| FDD (Khoàng cách điểm lấy nêt đến máy dò) | CT: 600 mm |  |
|  | PANO: 600 mm |  |
|  | Cephalo: 1745 mm |  |
| FOD <br> (Khoảng cách điểm lấy nét đến vật thề) | CT: 393 mm |  |
|  | PANO: 443 mm |  |
|  | Cephalo: 1525 mm |  |
|  | CT: 1.526:1 |  |
| Hinh anh | PANO: 1.354:1 |  |
|  | Cephalo: 1.14:1 |  |

6.6 X-ray TubeSpecification

| Factor <br> $s$ | $\begin{aligned} & \text { SPE } \\ & \text { C } \\ & \hline \end{aligned}$ | $\begin{aligned} & \mathrm{ET} \\ & \mathrm{C} \\ & \hline \end{aligned}$ |
| :---: | :---: | :---: |
| Lượng điện ống tối đa $(k V)$ | 100 kV |  |
| Lưu thông ống tới da ( mA ) | 22 mA |  |
| Suíc chứu diện sông dương | 35 kJ |  |
| Tiêu thụ nhiẹt cực dưoing tôi th | 250W |  |

> Maxinum Rating Charts
> (Absolute maximum rating chear)

$$
\begin{aligned}
& : 3
\end{aligned}
$$

Emission 2 Filament Characteristics




Nate: Thie graph insizaite traical chatactertatice.

### 6.7 X-ray Detector Specification / Thông số đầu dò tia $X$

6.7.1 CBCT(CT) \& Pano Detector Specification (Đầu dò hình ành tia X)

| Tham số | CT | Panoramic | Đơn vị |
| :--- | :--- | :--- | :--- |
| Kích thươc pixel | $240 \times 240$ | $120 \times 120$ | um |
| Khu vực cảm biến | $161.28 \times 158.88$ | $161.28 \times 10.8$ | mm |
| Số lượng điểm ảnh | $664 \times 654$ | $328 \times 84$ | EA |
| Đẩu ra kyy thuật số | 15 | 14 | bit |

6.7.2 Cephalometric Detector Specification

| Tham số | One-shot <br> Cephalometric | Line <br> Cephalometric | Bơn vị |
| :--- | :--- | :--- | :--- |
| Kích thưởc pixel | $100 \times 100$ | $139 \times 139$ | unn |
| Khu vực cảm biến | $2,268 \times 60$ | $1,792 \times 2,176$ | min |
| Số lượng diểm ảnh | $50 \sim 300$ | $361 \mathrm{p} / \mathrm{mm}$ | EA |
| Đầu ra kỹ thuạạt số | 14 | 16 | bit |

6.8 Gợi ý thông số cho máy tính

| Đề mục | Thông số kỹ thuật | Donn vị |
| :--- | :--- | :--- |
| CPU | Intel core i5 3.5Ghz |  |
| RAM | 4GB x 2 DDR3-1600 RAM |  |
| HDD | ITB 7200RPM |  |
| Card Dồ họa | NVIDIA Geforce GTX750 D5 1GB |  |
| OS | WINDOW 7 64BIT |  |
| Network | 1Gigabit | Kết nối giưa thiết bị <br> và máy tính |
| Serial Port | RS232 port | Cài đặt và lưu trữ <br> phần mềm |
| CD Drive | Yes |  |
| Màn hình | 22" LED, resolution $1920 \times 1080$ |  |

7 Tiêu chuẩn áp dụng
Thiết bị này được thiếl kế và sản xuất tuân theo các tiêu chuẩn EN 60601-1, EN 60601-1-3, EN 60601-2-28, EN 60601-2-32
EN 60601-1-2, EN61000-3-2, EN61000-3-3, EN ISO 9001, EN ISO13485
CE 0000 CE Mark dành cho loại IIB và được cấp bằng cách tuân thủ Chif thị EU $93 / 42$ / EEC về thiết bị y tế

> S Tưong thích điện tùr

Tên sản phả̉m: rainbow ${ }^{7 m} \mathrm{CT}$
Đềmục: Linlı kiện, phât xạ điện từ, chống nhiễu điện tử, khoảng cách bảo vệ

|  | Rainbow ${ }^{\text {mM }} \mathrm{CT}$ đáp úng các yêu ĉ̣̀u của Khả năng tương thích diện từ theo IEC60601-1-3 200? <br> rainbọw ${ }^{\text {th }} \mathrm{CT}$ được gọi là "Thiết bị" trong các phần sau <br> Nếu thiết bị được sử dụng theo cảc phần dutơi đây, hoạt động an toàn được đảm bào dụa trên tiêu chuả̉n EMC |
| :---: | :---: |

8.1 Thänh phần chính

| Cáp đ̛iều khiền | Nhà cung cấp |
| :--- | :--- |
| Kềt nối thiết bị ngoại vi vơi PC | Dentium |
| Cáp phơi sáng 15 m | Dentium |
| Cáp LAN 15 m | Dentium |
| Cáp RS232 15 m | Dentium |

Đối vơi các hoạt dộng bình thường, thiết bị này nên sử dụng các thành phần và phụ tùng được chấp thuận bởi Dentium. Nếu thành phần hoặc phụ lùng không được phê duyệt có thề được sử dụng, phál xạ có thể tăng hoặc khả năng chống nhiễu điện tử có thể bị giảm Thiết bị không được vận hành liễn kề vỡi các thiết bị khác. Nếu nơ đt̛ợc vận hành gần các thiết bị khác khộng tránh khỏi, thiết bị cẩn được quan sát thấy nếu hoạt động mong muốn được thực hiện
Phát xạ điện tit
Thiết bị này đưược sản xuất để hoạt động trong môi trường điện từ được mô tả bêñ dưới. Khách hàng hoặc ngươi dùng nên xác minh xem thiết bị này có hoạt động trong mồi trưỡng như yậy hay không

| Phát thài HF theo CISPR 11 | Nhóm 1 | Thiết bị này chỉ sử dụng năng lượng HF cho chức năng bên trong. Do đó, phát xậ HF rất gần và hầu nhự không có trường họ̣p thiết bị khác nhận được nhiễu |
| :---: | :---: | :---: |
| Phát xa theo CISPR 11 | Loại B <br> Loại A. | Thiết bị này có thể dược sử dụng tuong tất cả các thiết bị kết nối với nguồn điện công cộng được cung cấp cho khu dân cư bao gồm cả khu dân cư |
| Sóng diều hòa theo IEC61000-3-2 |  |  |
| Biến áp diện áp / Flicker theo IEC 61000-3-3 | Đã tuân thủ |  |

8.1 Thành phần chính

Thiết bị này được sản xuất để hoạt động trong môi trường điện từ được mô tả bên dưới Khách hàng hoặc người diǹng nền xác minh xem thiết bị này có hoạt động trong môi trường nhu vậy hay không.

| Kiềm tra điện trờ nhiễu điện từ | Cấp độ kiềm tra IEC60601-1-1-2 | Mức tuân thù chuần | Hương dẫn môi trường diện từ |
| :---: | :---: | :---: | :---: |
| Thiết bị này chỉ sử dụng năng lượng $H F$ cho chức. năng bên trong. Do đó, phát xạ HF rất gẩn và hầu như không có trương hợp thiết bị khác nhận được nhiễu | Xả bằng cách tiếp xúc trực tiếp 6 kV với xà khíSkV | 6 kV xả tiếp xúc tự̛ tiếp 8KV | Sàn nhà phải là sàn gõ hoặc sàn xỉ măng hoặc sàn gạch gốm. Trong trường hợp sàn dực làm bằng vật liệu hợp chất hơa học, độ ẩm tuơng đối phải it nhất $30 \%$ |
| Chuyển tiếp nhanh chơng nliễu loạn diện / nổ theo IEC 61000-4-4 | Truờng hợp đầu vào đầu vào 1 kV <br> Trong trường họp đường dây điện 2 kV | Trường hợp đầu vào đầu văo 1 kV <br> Trong trường hợp đường dây diện 2 kV | Chất lượng điện cung cấp phài phù hợp rợi môi trừng kinh doanh chung hoặc môi trường bệnh viện. |
| Tăng diện áp theo IEC 61000-4-5 | 1 kV Điện sip đả̉y kéo 2 Kv điện áp đẩy kéo | 1 kV Điện áp đẩy kéo $2 K v$ diện áp dẳy kẹo | Chất lượng diện cung cấp phải phư hợp với môi trường kinh doanh chung hoặc môi trương bệnh viện. |
| Giàm điện áp được cung cấp / gián đoạn tức thời / dao động theo IEC 61000-4-11 | $<5 \%$ Ut (for $1 / 2$ period) ( $>95 \%$ drop of UT) $40 \%$ UT(for period of 5 times) ( $60 \%$ drop of UT) $70 \%$ UT(for period of 25 times) ( $30 \%$ drop of UT) $<5 \%$ of UT(for 5 seconds) ( $>95 \%$ drop of UT) | $<5 \%$ Ut (for $1 / 2$ period) ( $>95 \%$ drop of UT) $40 \%$ UT(for period of 5 times) ( $60 \%$ drop of UT) $70 \%$ UT(for period of 25 times) ( $30 \%$ drap of UT) $<5 \%$ of UT(for 5 seconds) ( $>95 \%$ drop of UT) | Chất lượng điện cung cấp phải phù hợp vói địa điểm kinh doanh chung hoặc môi trutòng bệnh viện. <br> Để người sừ dưng có thế vận hành thiết bị liên tục ngay cà khi nguồn điện bị giain doạn. chưng tôi khuyên bạn nên chuẩn bị thiết bị cấp diện liên tục (UPS) hoặc bột. |


| Giảm điện áp dược cung cấp / giản doạn tức thời / dao động theo IEC 61000-4-11 | $<5 \%$ Ut (for $1 / 2$ period) ( $>95 \%$ drop of UT) $40 \%$ UT(for period of 5 times) ( $60 \%$ drop of UT) $70 \%$ UT(for period of 25 times) ( $30 \%$ drop of UT) $<5 \%$ of UT(for 5 seconds) ( $>95 \%$ drop of UT) | $<5 \%$ Ut (for $1 / 2$ period) ( $>95 \%$ drop of UT) $40 \%$ UT(for period of 5 times) ( $60 \%$ drop of UT) $70 \%$ UT(for period of 25 times) ( $30 \%$ drop of UT) $<5 \%$ of UT(for 5 seconds) (>95\% drop of UT) | Chất lượng diện cung cấp phảai phù hợp với dịa điểm kinh doanh cluung hoặc môi trường bệnh viện. <br> Đế người sử dụng có thể vận hành thiết bị liên tục ngay cả khi nguồn điện bị gián doạn, chúng tôi khuyên bạn vên chuẩn bị thiết bị cấp điện liên tục (UPS) hoặc bột. |
| :---: | :---: | :---: | :---: |
| Từ trương tẩn số cung cấp ( $50 / 60 \mathrm{~Hz}$ ) theo IEC 61000-4-8 | $3 \mathrm{~A} / \mathrm{m}$ | $3 \mathrm{~A} / \mathrm{m}$ | Từ trường tần số nguồn phải trùng với giá trị chung dược tìm thấy tại địa diểm kinh doanh hoặc môi trường bệnh viện |
|  |  |  |  |


| Kiể̉n tra kláng nhiễu điện tử | Mức độ kiềm tra IEC $60601-1-2$ | Mức tuân thủ chuả̉n | Huông dẫn môi rưưng diện từ |
| :---: | :---: | :---: | :---: |
| Induced HF Interference IEC 61000-4-6 Induced HF Interference IEC 61000-4-3 | 3Veff <br> $150 \mathrm{kHz} \sim 30 \mathrm{MHza}$ <br> $3 \mathrm{~V} / \mathrm{m}$ <br> $80 \mathrm{MHz} \sim 800 \mathrm{MHza}$ <br> $3 \mathrm{~V} / \mathrm{m}$ <br> $800 \mathrm{MHz} \sim 2,5 \mathrm{GHza}$ | $\begin{aligned} & \text { 3Veff } \\ & \text { 3Veff } \\ & \text { 3Veff } \end{aligned}$ | Không nên sử dụng thiết bị Không dầy di dộng và di động ở noil khoảng cách đến thiết bị bao gồm cả cáp gần hơn khoảng cách bảo vệ được đề nghị. <br> Khoảng cích bảo vệ duọ̣c đề xuất có thể được tính toán bằng cách sừ dụng phương trình phù hợp với tần số truyền dẫn. <br> Khoảng cách được đề xuất: $\mathrm{d}=$ $[1,2] \mathrm{P}$ $\mathrm{d}=[1,2] \mathrm{P}$ <br> Trong trương họp 50 MHz ~ $800 \mathrm{MHz} \mathrm{d}=[2,3] \mathrm{P}$ <br> Trong tường hợp 800 MHz 2.5 GHz , trong đó P là đấu ra dịnh mutco của máy phát (đđơn vị: W) theo dũ̃ liệu của nhà sản xuất máy phát, d là khoảng cách bảo vệ được đề xuất (đơn vị: m). <br> Mặc dù độ mạnh cùa từ trường của máy phát không dây cố dụnh đutọ̣c thay đởi tùy theo điều tra tại chỗ, nó phài nhò hơn mức tuân chủ tiêu chuả̉n b trong tál cả các tần số. <br> Trong mồi trường của thiết bị có biểu tượng sau, nhiễu có thể xảy ra |

Trong triờng hợp 80 MHz và 800 MHz , dải iần số cao hơn được áp dụng. Ví dụ, súc mạnh của tù̀ trường của máy phát loại cố định như điệ̣n thoại di động, trạm phât sóng không dây nội hạt di dộng, Radio Ham, đài AM và FM , và truyền hình không thể được xác đ̛̣inh chính xác theo lý thuyĉ́t. Do đó, để xác định môoi trương dị̣̂n từ của máy phát HF loại cố dịnh, nên điểu tra trang web. Nếu cuờng dộ của từ tường được xác định tại vị trí của thiết bị có thể vượt quáá mức tuân thủ trê̂n, thiểt bị̣ phải đự̛̣c quan săt thấy nếu nó hoạt động bình thương ở tất cả các vị trí. Nếu đặc tính khác với thông thường cơ thể xuất hiệ̣n, có thể thục hiện biện phâp bổ sung, ví dụ, hay đổi hướng của thiết bị hoặc thay đởi cài đặt, v.v.
Sức mạnh của từ trường trong dả̉ tần số cao hơn $150 \mathrm{kHz} \sim 80 \mathrm{MHz}$, sức mạnh của từ trường nhỏ hơn $3 \mathrm{~V} / \mathrm{m}$.

| Dánh giá đầu ra của máy phát (W) | Khoang cách bảo vệ theo tân số phat (m) |  |  |
| :---: | :---: | :---: | :---: |
|  | 150 kHz dến 80 MHz $d=1,2 \sqrt{ } \mathrm{P}$ | 80 MHz đến 800 MHz $\mathrm{d}=1,2 \sqrt{ } \mathrm{P}$ | $\begin{aligned} & 800 \mathrm{MHz} \text { dến } 2.5 \mathrm{GHz} \mathrm{~d} \\ & =2,3 \sqrt{ } \mathrm{P} \end{aligned}$ |
| 0.01 | 0.12 | 0.12 | 0.23 |
| 0.1 | 0.38 | 0.38 | 0.73 |
| 1 | 1.2 | 1.2 | 2.3 |
| 10 | 3.8 | 3.8 | 7.3 |
| 100 | 12 | 12 | 23 |

Trong từ̛̀ng họ̣p máy phãt, trong đó dẩu ra định mức không đưọ̣c quy định trong bảng trên, khoảng cách bảo vệ đự̛̣c dề nghị d (a̛ơn vị: m ) có thề duợc xác định bằng cách sử dựng phương trình tương ứng với môi cột. Trong đó, P là đẩu rà được đính giá tới đa (đơn vị: W) theo dî̀ liệu của nhà sản xuất máy phát.
Tham khào 1
Trong trường hợp 80 MHz và 800 MHz , dải tẩn số cno hơn được áp dụng.

## Tham chiếu 2

Không thẻ̉ sử dụng hướng dẫn này cho tất cả các trương hợp.
Sóng diện từ nlıận dược ảnh hưởng bởi sự hấp thụ vả phả̉n xạ của tò̀a nhà, các vật thể xung quanh và con nưười.

Thận trọng khi cài dặt
Dịa diểm cìu dặ
Cảc thiếl bị cần đự̣c lắp đạt tuên mặt đất có đủ không gian


- Kích thước cỉa thành phần thiết bị (Kích thước thiết bị)

8.4 Giàn kêét nối cáp điện


Kết nối cáp nguồn chính.
Đảm bảo rẳng cầu dao đđang TẮT.
Dự̛̣c tách ra bằng cách sử dụng trình diều kliển vît "A" M 44 trong hình.
Con số này xuất hiện màu nầu, kết nối cáp nguồn ơ bên trái và bên phài của màu xauh Kết nối.
Lắp ráp theo thứ ̛ự ngự̛̣c lại với ba vít M4 đang hoạt động ở hình bên trái nếu kết nới hoàn tầ.
Bật nguổn để xác nhận hoạt động binh thường
A: M4 SCREW
B: Đầu nối cáp nguồn C: Đầu nối mạng LAN
D: Bộ ngắt mạch
E: Đầu nối RS232
F: Tiếp xức cluyyển đởi kết nối
G: Cáp nguồn (UL1015 \# 14 AWG) H: Bộ lọc tiếng ồn
I: Khối thiết tị đầu cuối công suất chính
Hệ thống không cung cấp cáp điện cho một số quốc gia. Nếu cáp nguồn không được cung cấp, cáp đự̛̣c lắp đặt phải đáp ững các yêu cầu sau:

Chỉ những nhân viên dịch vụ đủ điều kiện và được ủy quyền mới nên tháo vỏ trên thiết bị.
Hệ thống yêu cầu nguồn điện ( 14 AWG ) 3 pha cố chứa dây dẫn, dây dẫn trung tính và dây dẫn bảo vệ đất. Chúng tôi đề nghị rằng thiết bị được lắp đặt với một đường dây điện chuyên dụng được kết nối với bộ ngắt mạch với mức đánh giá tối thiểu là 15 amp .
Hệ thống dây điện phải cung cấp cấu hình đương dây điện nối đất cố định.
Trình cài đặt phải xác định sự phù họ̣p của việc cài đặt hệ thống bặng một đường dây.
Nếu sử dụng dây điện, tình cài đặt phải đảm bảo rằng thiết bị được nối đ̛ất đúng cách và có xếp hạng đường dây yêu cầu.
Hệ thống này chỉ đi̛ợc sử dưng trong các phòng hoặc kluu vực tuân thủ tất cả các luật và khuyến nghị hiện hình liên quan đến an toàn diện trong các phòng dược sử dụ̂ng cho mục dích y tế, vî dụ: IEC, Mã điện quốc gia Hoa Ky, hoặc các tiêu chuẩn VDE liên quan đến các điểu khoản của một đầu nối đất bảo vệ bổ sung (mặt đất) để kểt nối nguổn diện.
Tối đa Dòng điện trỡ: Đối với chức năng bình thương của hệ thống X-ray nha khoa, sức đề kháng của đường dây điện không nên vượt quá 0.4 Ohm ờ diện áp danh định.

|  | Thiết bị này Dể tránlı nguy cơ điện giậ̣t phải được kết nối với đất bảo vệ Chú ý: Người vận hành không tiếp xúc với bất kỳ SIP / SOP nào (ví dụ: kết nối USB) trên hệ thống. |
| :---: | :---: |
|  | Tất cả các thiết bị kết nối yới thiết bị diện y tế (ví dụ, thiét bị xử lý dữ liệu IEC 60950) Tiêu chuẩn IEC hoặc ISO plảai tuân thủ. |
|  | Thiêtit bị được cại đặt vĩnh viễn hiển thị nguồn cung cấp đầu vào điển trung tính |
|  | Các thành phần mạch của nhân viên dic̣h vụ thiết bị điệ̣n y tế để sưa chưa, danh sách các bộ phận, có thể được nhà sàn xuất cung cấp phil hựp vơi các hương dẫn hiệ̣u chuần hoặc các yêu cầu thông tin khác |
|  | Dể tránh nguy cơ bị diện giật, thiết bị này chỉ được kết nối với nguổn cung caíp với dất bảo vệ. Mọi phụ kiện chi được thay thế khi người vận hành và bất kỳ bộ plậ̣n nào của máy không chạm vào bệnl nhân. Thận trọng: Nhà điê̂u hành không được chạm vào bát kỳ SIP / SOP nào (ví dụ: dầu nối USB) trên hệ thống. |
|  | Thiết bị bổ sung được kết nới với thiế bị điện y té phải tuân thủ các tiêu chuẩn IEC hoặc ISO tương ûng (ví dụ: IEC 60950 đối vơi thiết bị xử ly dưu liệu). Hơn nữa tất cả các cấu hình phải tuẩn thủ các yêu cẩu dối với hệ thống diện y té (xem IEC 60601-1-1 hoặc khoản 16 cuna 3 Ed. Cua IEC $60601-1$, tương ưng). Bất kỳ ai kết nối thiết bị bồ sung vơi thiéft bị điện y tế đều cacúu hình hệ thống y té và do dó chịu trách nliẹ̀m liệ thớng tuân thủ các yêu cầu đới với hệ thống điện y tế. Chú ŷ đến thực tế là luật phấp địa plương dược ưu tiên hơn các yêu cầu nêu trên. <br> Nếu nghi ngò̀, hăy hỏi đại diện địa phương của bạn hoặc phòng dịch vụ kỹ thuật. Thiết bị dự̛̣c kết nới vởi hệ thống chụp $x$-quang nha khoa vả trong môi trường bệnh nhận phải được cấp nguồn từ nguồn điện b |


8.5 Yi dụ về kết nối thiết bị ngoại vi

Phòng dượ sứ dưng y té trong mõi trường bệnh nhân
Phòng không dượ sừ dung y té


Thiết bị ngoại vi và phụ kiện
Hệ thống chụp X-quang nha khoa đã được xác minh về sự an toàn tổng thể vởi nhüng điều sau đây: Máy tính cá nhân
Nhà sản xuất: HP
Màn hình: HP, LED 22 "Màn hình

CỌ̃NG HÒAXÃ HỌ́I CHỦ NGHĨA VIẸT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## GIȦY CHÚNG NHẬN KIỂM ĐİNH

## CERTIFICATE OF VERIFICATION <br> Số ( $\mathrm{N}^{0}$ ): 62/2022/XQR

Tên đối tượng: Thiết bị chụp $X$ quang răng rainbow ${ }^{T M} \mathrm{CT}$
Object:
Kiểu: ICT-R01-L
Kiểu: D-054SB
Type:
Nơi sản xuất: Hàn Quốc
Số: G04DXD2322 (Máy)
Số: 2A63957 (Bóng)
Serial No:

Manufacturer:
Năm: 2022

Đặc trung ky thuật: $\mathrm{kV}(\mathrm{Max})=100 \mathrm{kV} ; \mathrm{mA}(\mathrm{Max})=12 \mathrm{~mA}$
Specifications:

Place:
 Anh)

Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Phương pháp thực hiện: QCVN 17:2018/BKHCN
Method of verification:
Kết luận: Đạt yêu cầu theo QCVN 17:2018/BKHCN
Conclusion: Complied with QCVN 17:2018/BKHCN
Số tem kiểm địinh: 0207
Verification Stamp $\mathrm{N}^{0}$
Thời hạn đến: (*) 05/9/2024
Valid until:

Nguời kiểm định

(*) Vởi điều kiện tôn trọng các quy định về sừ dụng và bảo quản (With respectfuless of mules of use and maintenance)

SƠ KH \& CN TİNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM PHÁT TRIỄN
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHEX

CỘNG HÒA XÃ HỘ CHỦ NGHĨA VIẸT NAM Độc lập-Tự do-Hạnh phúc


KÉT QUẢ KIẼ̃M XA
TẠ CƠ SỞ SỬ DỤNG THIÉT BI X QUANG CHÄ̀N ĐOÁN Y TÉ
Số: 74/2022/ATBX

## I. Thông tin chung

## 1. Thông tin về cơ sở tiến hành công việc bức xạ




斯

Fax:
Đại diện cơ sở:

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
| :---: | :---: | :---: |
|  |  | Chủ cơ sở |

2. Thông tin về đơn vị thục hiện dịch vụ kiểm xa

Tên co sở thực hiện dịch vụ: Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh
Thái Nguyên


Người thực hiện kiểm xạ:
Người đo: Nguyễn

Thiết bị sử dụng để kiểm xạ:
Tên thiết bị: Thiết bị kiềm tra suất liều ATOMTEX
Kiểu (Model): AT6130 Số hiệu (Seri): 21398

Hãng sản xuất: ATOMTEX/Belarus
Hạn hiệu chuẩn: 11/2022
Thông số kỹ thuật của thiết bị đo:

- Loại đầu dò: Ống đếm GM

Dải suất liều đo: $0,1-10 \mathrm{mSv} / \mathrm{h} \mu \mathrm{Sv}$

## Thông tin về thiết bị $X$-quang: Thiết bị $X$ quang chụp răng

Kiểu (Model) của bóng phát tia: D-054SB
Số hiệu (Seri) của bóng phát tia: 2A63957
Hãng, nước sản xuất của bóng phát tia: POSKOM, Hàn Quốc
Năm sản xuất của bóng phảt tia: 2022
Kiểu (Model) của máy: ICT-R01-L
Số hiệu (Seri) của máy: G04DXD2322
Hãng, nước sản xuất của máy: Hàn Quốc
Năm sản xuất của máy: 2022
Mục đích sử dụ̣ng ( $X$ quang thông thường, $X$ quang tăng sáng, $C T$, răng, vú...): X quang chụp răng

《 Cố định $\square$ Di động
Thông số kỹ thuật:

- Điện áp cực đại: 100 kV
- Dòng phát tia cực đại: 12 mA
- Giá trị mAs cực đại: mAs


## M. Kêt quả đo kiểm xa

So đồ đo kiểm xa

## MÃU




1. Kết quả đo khảo sát suất liều bức xạ tại khu vực sủ̉ dụng thiết bị bức $x a ̣:$

- Phông môi trường: $0,09-0,11 \mu \mathrm{~Sv} / \mathrm{h}$
- Mô tả chế độ vận hành của thiết bị X - quang khi tiến hành kiểm xạ (điện áp, $\mathrm{mA}, \mathrm{mAs}$, thò̀̀ gian, kích thước trường chiếu v.v...): Khi đo máy đo đang hoạt động ở chế độ chụp CT răng
- Điện áp: 90 kV
- Dòng phát tia: 10 mA ;
- Giá trị mAs: mAs
- Kích thước trường chiếu: Tự động


## BẢNG KÉT QUẢ ĐO

| STT | Vị trí đo <br> (Vị trí đo theo so đồ và chú thích hướng phát tia) | Suất liều ( $\mu \mathrm{Sv} / \mathrm{h}$ ) |  |  |  | Tiêu chí suất liều Theo quy định tąi Thông tu' số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT |
| :---: | :---: | :---: | :---: | :---: | :---: | :---: |
|  |  | $\begin{gathered} \text { Lần } \\ 1 \end{gathered}$ | Lần 2 | $\begin{gathered} \text { Lần } \\ 3 \end{gathered}$ | Trung <br> bình |  |
| 1 | Kính chì |  |  |  |  |  |
|  | Khe trên | 0,11 | 0,11 | 0,11 | 0,11 | 10 |
|  | Khe dưới | 0,11 | 0,11 | 0,11 | 0,11 | 10 |
|  | $\therefore \quad$ Khe phai | 0,12 | 0,12 | 0,12 | 0,12 | 10 |
|  | $\therefore \quad$ Khe trái | 0,12 | 0,12. | 0,12 | 0,12 | 10 |
| 2 | Vị trí người điều khiển |  |  |  |  |  |
|  | Ngang nguc | 0,11 | 0,11 | 0,11 | 0,11 | 10 |
|  | Ngang bộ phận sinh dục | 0,11 | 0,11 | 0,11 | 0,11 | 10 |
| 3 | Khu vực điều khiển | 0,12 | 0,12 | 0,12 | 0,12 | 10 |
| 4 | Cửa ra vào phòng chupp |  |  |  |  |  |
|  | Khe trên | 0,13 | 0,13 | 0,13 | 0,13 | 0,5 |
|  | Khe duóti | 0,13 | 0,13 | 0,13 | 0,13 | 0,5 |
|  | Khe phải | 0,12 | 0,12 | 0,12 | 0,12 | 0,5 |
|  | Khe trái | 0,12 | 0,12 | 0,12 | 0,12 | 0,5 |
| 5 | Hành lang di lai | 0,12 | 0,12 | 0,12 | 0,12 | 0,5 |
|  | Bệnh nhân ngồi chờ | 0,12 | 0,12 | 0,12 | 0,12 | 0,5 |
| 6 | Lối đi lại | 0,13 | 0,13 | 0,13 | 0,13 | 0,5 |
|  | nt | 0,13 | 0,13 | 0,13 | 0,13 | 0,5 |
| 7 | Phòng khám răng | 0,12 | 0,12 | 0,12 | 0,12 | 0,5 |
|  | nt | 0,12 | 0,12 | 0,12 | 0,12 | 0,5 |
| 8 | Nhà dân | 0,13 | 0,13 | 0,13 | 0,13 | 0,5 |
|  | nt | 0,13 | 0,13 | 0,13 | 0,13 | 0,5 |
| 9 | Tầng 2 | 0,14 | 0,14 | 0,14 | 0,14 | 0,5 |
|  | nt | 0,13 | 0,13 | 0,13 | 0,13 | 0,5 |

MI. Đánh giá kết quả đo

1. Văn bản áp dụng để đánlı giá:

- Thông tư số $13 / 2014 /$ TTLT-BKHCN-BYT ngày $09 / 6 / 2014$ về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế (Thông tư số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT).

2. Đánh giá kết quả:
a) Tiêu chí đánh giá:

- Mọi vị trí bên ngoài phòng đặt thiết bị $X$ - quang nơi công chúng đi lại, nơi người bệnh ngồi chờ không được vượt quá giá trị suất liều: $0,5 \mu \mathrm{~Sv} / \mathrm{giờ;}$
- Truoòng họp phòng đạạt thiết bị X - quang chẩn đoán trong y tế nằm trong khu dân cư, liền kề nhà ở hoặc nơi làm việc phải bảo đảm suất liều bức xạ ở tất cả các điểm đo bên ngoài phòng đặt thiết bị bằng phông bức xạ tự nhiên;
- Trường hợp thiết bị X - quang chẩn đoán làm việc ở điện áp nhỏ hơn 150 kV , tủ điều khiê̂n được phép đặt trong phòng đặt thiết bị nhung phải có bình phong chì che chắn bảo đảm mức bức xạ tại vị trí nhân viên đứng vận hành thiêt bị nhỏ hơn $10 \mu \mathrm{~Sv} /$ giờ.
b) Đánh giá kết quả:
*. Đối với nhân viên bức xạ:
Giả sử hệ số sử dụng (U) của nguồn bức xạ là 1 , hệ số chiếm cứ ( $T$ ) của khu vực nhân viên bức xạ làm việc là 1 .

Đối với nhân viên bức xạ, giả thiết nhân viên bức xạ làm việc tại vị trí suất liều cao nhất là $0,12 \mu \mathrm{~Sv} / \mathrm{giờ}$

Nếu tính thời gian làm việc trong một năm của nhân viên bức xạ là 50 tuần/năm $\times 5$ ngày/tuần $\times 8$ giờ/ngày $=2000$ giờ/năm thì mức liều cao nhất mà nhân viên đó nhận được trong 1 năm là:
$0,12 \mu \mathrm{~Sv} /$ giờ $\times 2000$ giò̀/năm $\times 1 \times 1=240 \mu \mathrm{~Sv}=0,24 \mathrm{mSv}$
Mức liều này nhỏ hơn so với giới hạn liều đối với nhân viên bức xạ ( $20 \mathrm{mSv} /$ năm) theo quy định tại thông tur số $13 / 2014 /$ TTLT-BKHCN-BYT, ngày 09/6/2014 của Bộ Khoa học Công nghệ và Bộ Y tế về Quy định đảm bảo an toàn bức xạ trong y tế.

## *. K̀hu vựe dân chúng:

Giả sử hệ̀ số sử dụng (U) của nguồn bức xạ là 1 , hệ số chiếm cứ $(\mathrm{T})$ của khu vực nhân viên bức xạ làm việc là 1.

Đối với đối tượng là công chưng, suất liều cao nhất đo được tại khu vực dành cho công chúng là $0,14 \mu \mathrm{~Sv} / \mathrm{giờ}$. Với giả thiết thời gian 1 người có thể xuất hiện ở đây là khoảng 2000 giờ/năm, như vậy mức liều một người nhận được ở vị trí này là:
$0,14 \mu \mathrm{~Sv} /$ giờ $\times 2000$ giờ $/ \mathrm{năm} \times 1 \times 1=280 \mu \mathrm{~Sv}=0,28 \mathrm{mSv}$
Mức liều này nhỏ hon so với giới hạn liều đối với công chúng (lmSv) theo quy định tại tại thông tư số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT, ngày 09/6/2014 của Bộ Khoa học Công nghệ và Bộ Y tế về Quy định đảm bảo an toàn bức xạ trong y tế.
IV. Kết luận và khuyến cáo

## 1. Kết luận

Cơ sở tiến hành công việc bức xạ
Х Đảm bảo ATBX đối với nhân viên bức xạ và công chúng
$\square$ Không đảm bảo ATBX đối với:
$\square$ Nhân viên bức xạ
$\square$ Công chúng

## 2. Khuyến cáo

Cơ sở cần tiến hành đo đánh giá an toàn bức xạ định kỳ ît nhất một năm một lần theo đúng quy định của Luật Năng lượng nguyễn tử.

- Tuân thủ theo quy trình làm việc để bảo đảm an toàn bức xạ.
- Cần niêm yết bổ xung Kế hoạch ưng phó sự cố bức xạ hạt nhân cấp cơ sở, gắn tại vị trí cho nhân viên kiểm tra và người đi qua dễ dàng nhìn thấy.
- Trong truờng hợp thiết bị gặp trục trặc cần ngắt nguồn cung cấp điện cho thiết bị truớc khi xử lý.
- Đọc và theo dõi liều bức xạ cá nhân cho nhân viên bức xạ định kỳ ít nhất 3 tháng 1 lần theo quy định của Pháp luật.
Tài liệu gửi kèm theo kết quả kiểm xạ:
- Anh chup model, seri của thiết bị X quang.

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ


##  

Số nhà tỉnh Thái Nguyên

BÁo CÁo ĐÁNH GIÁ AN TOÀN/ bÁo CÁo PHÂN TÍCH AN TOÀN (ĐẺ NGHI CÁP GIÀY PHÉP TIÉN HANHE CÔNG VIẸC BÚC XA 01 THIET BI X QUANG CHUP RĂNG)


PHÒNG KHÁM NHA KHOA

CỌNG HOÀ XÃ HỌI CHỦ NGHİA VIẸT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày do tháng 9 năm 2022

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ AN TOÀN BÚC XA.

## PHÀN I. TỔ CHƯC, CÁ NHÂN ĐỂ NGHỊ CÂP GIÅY PHÉP

1. Thông tin về tổ chức cá nhân

- Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép: Hộ Kinh doanh khám nha kho;






2. Thông tin về người đưng đầu:

- Họ và tên: \% wask
- Chức vụ: Chủ co sỏ
 phường


3. Thông tin về ngurời phụ trách an toàn





- Trình độ chuyên môn: Bác sỹ đa khoa
- Chứng nhận đào tạo an toàn bức xạ:
+ Số giấy chứng nhận: 19/K34/2022/GCN-ATBX/STEC;
+ Ngày cấp: 18/07/2022

+ Số giấy chứng nhận: 20/K34/2022/GCN-ATBX/STEC;
+ Ngày cấp: 18/07/2022

- Chứng chỉ nhân viên bức xạ:
+ Số Chứng chỉ:
+ Ngày cấp:
+ Cơ quan cấp:


## PHÀN II. TÔ CHÚC QUẢN LÝ

1. So đồ tổ chúc các Khoa phòng

2. Các văn bản pháp luật liên quan được áp dụng làm căn cứ, bao gồm:

- Luật năng lượng nguyên tử quốc hội khóa VII, kỳ họp thứ 3, số 18/2008/QH 12 Ngày 03/06/2008.
- Nghị định 07/2010/N円-CP ngày 25/01/2010 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật năng lượng nguyên tử.
- Nghị định số 142/2020/ND-CP ngày 09/12/2020 Quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên từ
- Thông tư số 25/2014/TT-BKHCN Ngày 8/10/2014 Quy định việc chuẩn bị ứng phó và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, lập và phê duyệt kế hoạch úng phó sự cố bức xạ và hạt nhân
- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT/BKHCN - BYT Ngày 09/06/2014 của Bộ y tế và Bộ KHCN quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế.
- QCVN 17:2018/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị chụp $X$ quang răng dùng trong y tế
- Thông tur số $31 / 2007 / \mathrm{TT}$ - BKHCN ngày $31 / 12 / 2007$ của Bộ KHCN hương dẫn thụ̣c hiện chế độ thời giờ làm việc và thời giờ nghi nghơi đối với người lao động làm các công việc bức xạ, hạt nhân.

3. Danh mục hồ so cần lưu giũ; biện pháp và phân công trách nhiệm lập quả̉n lý; lưu giũ và cập nhật hồ so liên quan.

- Máy X quang sẽ được cán bộ phụ trách an toàn bức xạ lập 1 bộ hồ so quản lý máy gồm:
- Giấy phép sử dụng $X$ - quang y tế
- Bộ hồ sơ xin cấp phép sử dụng $X$ - quang y tế
- Hồ sơ kiểm xạ
- Hồ so kiểm định thiết bị
- Hồ sơ bảo dưỡng định kỳ máy móc và hệ thống đảm bảo môi trường bức xạ
- Hồ sơ súc khỏe và hồ sơ liều xạ cá nhân của nhân viên bức xạ
- Nhật ký vận hành thiết bị
- Các giấy tò khác như: Biên bản thanh tra, biên bản kiểm tra - đánh giá, các công văn
- Hồ so theo dõi sự cố bức xạ.

Đồng thời người phụ trách an toàn phối họ̣p với các bộ phận khác để giúp lãnh đạo thực hiện việc sau:

1. Kiểm xạ môi trường định kỳ tại các vị trí phòng chụp và xung quanh phòng chụp theo quy định của luật pháp 12 tháng/ lần
2. Kiểm định chất lượng thiết bị chụp $X$ quang răng 02 năm/ lần
3. Bảo dưỡng lau chùi thiết bị thường xuyên
4. Thực hiện nghiêm túc quy trình vận hành thiết bị và nội quy an toàn bức
xą. PHÂN III. CÁC BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO AN TOÀN BÚC XA.

## 1. Mô tả công việc bức xạ

- Công việc bức xạ mà cơ sở đang xin giấy phép thực hiện là chụp chiếu $X$ quang trên máy chụp $X$ quang răng. Với đặc thù và tầm quan trọng của công việc bức xạ Cơ sở luôn bảo đảm chấp hành nghiêm chỉnh các quy định củ̉a pháp luật về Năng lượng nguyên tử.
- Không sử dụng máy $X$ quang chụp vào các mục đích khác.
- Không sử dụng máy $X$ quang chụp tại các địa điểm khác.
- Chỉ các nhân viên đã được đào tạo về an toàn bức xạ mới được sử dụng máy $X$ quang. Cử các nhân viên bức xạ tham gia các khoá đào tạo, dào tạo lại vể an toàn bưc xạ hoặc khi cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu.
- Khi sử dụng máy $X$ quang chụp chấp hành nghiêm chỉnh nội quy an toàn bức xạ và quy trình vận hành máy X quang.
- Mục đích công việc bức xạ nhằm chẩn đoán bệnh giúp cho việc điều trị bệnh chính xác và hiệu quả.
- Mặt bằng khu vực tiến hành công việc bức xạ



## 2. Mô tả các biện pháp bảo vệ chống chiếu ngoài.

- Cơ sở đã thiết lập khu vực kiểm soát là nơi áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn bức xạ cho nhân viên tực tiếp vận hànli thiết bị bức xạ dó chính là khu vực làm việc cưa nhân viên vận hà̉nh trong quá trình chụp chiếu máy X quang, khu vực đọc phim của bác sy̌. Cơ sở đãã thiết kế che chắn đề khu vực này luôn đảm bảo an toàn với bất kỳ sự cố nào có thể xảy ra trong quá trình thực hiên công việc bức xạ
- Khu vực giám sát và các biện pháp kiểm soát người ra vào khu vực này bằng các biện pháp nhhu:
+ Chỉ có người làm nhiệm vụ liên quan đến an toàn bức xạ
+ Khi bệnh nhân vào chụp phải theo huớng dẫn của kỹ thuật viên chụp
+ Ở ngoài phòng chụp luônn có nội quy an toàn bức xạ có biển cảnh báo và đèn cảnh báo về mức độ nguy hiểm của tia bức xạ để mọ̣i người xung quanh biết và có các biện pháp phòng tránh.
- Các biện pháp che chắn tại nơi sư dụng máy chụp X quang
+ Phòng chụp có diện tích: $=5,10 \mathrm{~m}^{2}$, kích thước: $2,7 \mathrm{~m} \times 1,89 \mathrm{~m}$.
+ Máy được đặt ở vị trí phù hợp với phòng chụp.
Vị trí tủ điều khiển
- Bảng điều khiển được đặt trong khu vụ̣c điều khiển có diện tích: $2,7 \mathrm{~m}^{2}$ nằm tách biệt với phòng chụp là tuờng gạch xây dày 25 cm trát barit chì dày 1 cm , có kính chì quan sát kích thước 30 cm x 40 cm được gắn trên cửa phòng chụp.
- Cửa ra vào phòng chự là cửa đẩy 1 cánh ốp chì dày 2 mm , kích thước cao $2,2 \mathrm{~m}$ rộng $0,8 \mathrm{~m}$

Tất cả các vị trí trên như trong khu vụ̣c điều khiển, kính chì, cửa phòng chụp dều có suất liều <10 1 sv/ giờ (Có kết quả do kiểm xạ của Trung tâm Phát triền Khoa học và Công nghệ tinnh Thái Nguyên kèm theo)

Tất cả các vị trí như hành lang đỉ lại, bệnh nhân chờ chụp, lối di lại, mặt tầng 2 đều có suất liều nhỏ hơn $0,5 \mu \mathrm{sv} /$ giờ (Có kết quả đo kiểm xạ của Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên kèm theo)

+ Không gian bao quanh phòng X-quang
- Mặt A: Khu vực điều khiển, phòng vệ sinh
- Mặt B: Nhà dân
- Mặt C: Phòng khám rǎng
- Mặt D: Đường di lại
+ Vật liệu làm tường và chiều dày
- Các trang thiết bị bảo hộ cá nhân và các dụng cụ̣ khi tiến hành công việc bức xạ bảo đảm.
+ Cơ sở trang bị cho các kỹ thuật viên X quang các trang bị bảo hộ lao động nhu: Kính chì, găng tay cao su chì, áo giáp chì và liều kế cá nhân cho các kỹ thuật viên x quang.


##  NHÂN VIÊN BÚC XA.

Cơ sở đã trang bị liều kế cá nhân cho nhân viên bức xạ và định kỳ đo liều 3 tháng đọc kết quả một lần.

Đơn vị cung cấp dịch vụ đọc liều kế cá nhân là Viện ứng dụng công nghệ thông tin và bức xạ. Sau mỗi quý cơ sở gửi các liều kế cá nhân của các nhân viên cho bên cung ứng dịch vụ đọc liều để đọc kết quả liều kế cá nhân.

Kết quả đọc liều kế cá nhân sẽ được gửi về và được lưu hồ so cho các nhân viên bức xạ và kết quả đọc liều được dán tại nơi làm việc của các nhân viên bức xạ để tiện theo dõi.

- Danh sách các nhân viên bức xạ được đo liều chiếu xạ cá nhân
+ Đỗ Thị Tới
Quy định về kiểm tra sức khỏe khi tuyển dụng và kiểm tra sức khỏe định kỳ cho nhân viên bức xạ, tần suất kiểm tra.
+Cơ sở đã tổ chức kiểm tra sức khoẻ cho các nhân viên trước khi dược tuyển dụng và các nhân viên bức xạ định kỳ 6 tháng được kiểm tra sức khỏe một lần. Ngoài ra cơ sở cunng thực hiện đúng các quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, các chế độ về phụ cấp lương và bồi dưỡng độc hại đối với nhân viên bức xạ.
PHÀN V. BẢO ĐẢM. AN TOÀN BÚC XA ĐỐ VỚI BẸNH NHÂN
* Nội quy an toàn bức xạ đối với bệnh nhân
- Phải đóng cửa phòng chụp trước khi tiến hành chụp X quang.
- Không để chùm tia so cấp chiếu thẳng tới cửa sổ hoặc chiếu thẳng tởi bàn điều khiển hoặc tường phòng tối.
- Trong khi chiếu hoặc chụp tất cả nhân viên phải đứng trong phòng điều khiển để quan sát bệnh nhân thông qua kính chì hoặc mặc áo bảo vệ đứng đủ xa bệnh nhân khi không có đòi hỏi đặc biệt nào đứng gần bệnh nhân. Cần phải đeo găng tay bảo vệ khi tiến hành thao tác với bệnh nhân trong khi chiếu chụp.
- Phải sử dựng các dụng cụ bảo vệ để che chắn bộ phận sinh cụ̣c cuia bệnh nhân khi cần thiết.
- Khi cần phải đõ phim hoặc phải sử dụng giá đỡ co khi nếu có thể khi bệnh nhân yêu cầu.
+ Mặc áo bảo vệ và đỉ găng, tránh các tia trụ̣c tiếp chiếu thẳng bằng cách đứng nép vào một bên của phòng phát tia có đường đẳng liều nhơ.
+ Ghi chép lại ngày tháng, tên của người trợ giúp, số lượng phim chụp cũng nhur kỹ thuật chụp .
- Chụp X quang sẽ không được tiến hành nếu nhur không có chỉ định rõ ràng của bác sĩ xét nghiệm, tăng cương hoặc chụp lại đối với phụ nữ có thai, trẻ em sẽ không được tiến hành nếu như không được xem xét cẩn thận .
- Tuyệt đối không được cho bệnh nhân vào chờ trong phòng chụp.
- Đối với bệnh nhân và người dân không được tự do ra vào phòng chụp.
- Bệnh nhân phải chấp hành đúng sự chỉ dẫn của bác sĩ.


## PHẦN VI: CÁC TÀI LIẸU KÈM THEO

- Bản sao quyết định bổ nhiệm người phụ trách an toàn
- Bản sao họ̣p đồng dịch vụ đo liều chiếu xạ cá nhân
- Nội quy an toàn bức xạ, quy trình sử dụng thiết bị X-quang

Hộ kinh doanh (Phòng khám nha khoa Khoa học và Công nghệ tînh Thái Nguyên giúp đõ̃ tạo diều kiện để Cơ sở sớm được cấp giấy phép sử dụng máy $X$ - quang phục vụ công tác khám chữa bệnh cho nhân dân./


PHÒNG KHÁM NHA KHOA

CỌNG HOȦ XÃ HỌI CHÜ NGHĨA VIẸT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc


## NỌ́I QUY AN TOÀN BÚC XA.

1. Chỉ có Bác sĩ và kỹ thuật được đào tạo về ATBX mới được vận hành máy chụp.
2. Chỉ được chụp $X$ quang khi có chỉ định của Bác sĩ cho người bệnh.
3. Thụ̣c hiện qui tắc đã qui định khi chụp nhur: Đóng cưa phòng chụp, người nhà người bệnh không được ở trong phòng chụp (trừ trường hợp đặc biệt cần phải có người trợ giúp người bệnh)
4. Không đề chùm tia sơ cấp chiếu thẳng tới cửa sổ hoặc chiếu thẳng tới bàn điều khiển hoặc tường phòng tối.
5. Trong khi chiếu hoặc chụp tất cả nhận viên phải đứng trong phỏng điều khiển để quan sát bệnh nhân thông qua kính chì hoặc mặc áo bảo vệ đứng đư xa bệnh nhân.
6. Cần phải sử dụng các dụng cụ bảo vệ dể che chắn bộ phận sinh dục của bệnh nhân khi cần thiết.
a. Mặc áo bảo vệ và đi găng, tránh các tia trực tiếp chiếu thẳng bằng cách đứng nép vào một bên của phòng phát tia các đường đẳng liều nhỏ.
7. Chụp $X$ quang sẽ không được tiến hành nếu như không có chỉ định của bác sĩ. Đối với phụ nữ có thai, trẻ em sẽ không được tiến hành chụp nếu như không được xem xét cẩn thận .
8. Tuyệt dối không được cho bệnh nhân vào chờ trong phòng chụp.
9. Bối với bệnh nhân và người dân không được tự do ra vào phòng chụp.
10. Bệnh nhân phải chấp hành đúng sự chỉ dẫn của bác sĩ.

CHỦ CO SÖ

 PHÒNG KHÁM


CỘNG HOÀ XÃ HỌI CHỦ NGHĨA VIĖT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc


## QUY TRİNH VẬN HÀNH THEETT B!

1. Không cho phép những người không có chuyên môn sử dụng thiết bị.
2. Trước khi đưa máy vào sử dụng phải chú ý những điểm sau đây:
(1) Kiểm tra tình trạng của những công tắc, cầu dao tụ̣ động, cải đặt lại trạng thái ban đầu của thiết bị và những giá trị đo lường, cáp cao thế, và dây tiếp đất.
(2) Đặt những thông số chiếu/chụp xấp xỉ với thông số cần chiếu/chụp.
3. Trong khi thiết bị hoạt động phải chú ý nhũng mục sau:
(1) Không được sử dụng thiết bị liên tục vượt quá thời gian cho phép cần thiết trong chuẩn đoán và điều trị.
(2) Phải luôn quan sát bệnh nhân và thiết bị, để nhanh chóng phát hiện sự cố có thể xảy ra.
(3) Khi thấy có sự cố xảy ra đối với thiết bị và bệnh nhân phải nhanh chóng cho thiết bị ngừng hoạt động mà không làm nguy hại gì dến bệnh nhân.
(4) Không để thiết bị va chạm vào bệnh nhân.
4. Thiết bị sau khi hoạt động xong phải chú ý những mục sau đây:
(1) Ngắt những công tắc của thiết bị, lập lại các thông số về trạng thái ban đầu như trước khi đưa máy vào hoạt động, Sau đó ngắt cầu dao tự động.
(2) Khẳng định rằng thiết bị không có vấn đề gì xảy ra.
5. Trong trường hợp thiết bị có sự cố, không được tự ý sửa chữa, hãy liên hệ với nhà cung cấp máy để giải quyết.
6. Không được tụ̀ động thay đổi Model của thiết bị, không được tháo các loại cáp, dây dẫn của thiết bị, nếu không có yêu cầu.
7. Phải thực hiện chu kỳ bảo dưỡng, kiểm tra thiết bị đúng quy trình của nhà sản xuất. Khi bạn sử dụng thiết bị trong một thời gian dài, thì phải kiểm tra, bảo dưỡng toàn bộ hệ thống hoặc từng phần của thiết bị.


SƠ ĐỒ PHÒNG ĐẠTT MÁY CHỤP X QUANG RĂNG TRONG Y TÉ


## MÔ TA THUETK K <br> XÂY DƯNG PHÒNG MÁY CHUP X QUANG RĂNG

MÃU
I. Phòng đặt Máy Chụp $X$ quang răng
1.Vị trí đặt phòng

- Máy Chụp X quang răng được đặt tại - Phòng chụp X quang - Phòng khám nha



## 2. Diện tích phòng đặt máy

Phòng dặt máy có diện tích $=5,10 \mathrm{~m} 2$, kích thước: $2,7 \mathrm{~m} \times 1,89 \mathrm{~m}$
3. Che chắn phòng đặt máy: Phòng đặt máy dược che chắn bằng tuoờng dược xây bằng gạch đặc, dày 30 cm . Tường được trát vữa Barit dày $3,5 \mathrm{~cm}$ cả hai mặt lên sát trần. Sau khi trát Barit và lăn son.
4. Cửa phòng dặt máy:

Phòng chụp có 01 cửa ra vào được làm bằng sắt, cửa đẩy 1 cánh ốp chỉ tấm dày 2 mm , kích thước: cao $2,2 \mathrm{~m}$ rộng $0,8 \mathrm{~m}$

HỘ KINH D
PHÒNG KHÁM NHA KHO Hatubudxad

CỌNG HOÀ XÃ HỌI CHÜ NGHĨA VIẸ́T NAM
Độc lập－Tự do－Hạnh phúc

Thái Nguyên，ngày

## QUYÉT ĐỊNH

$\mathrm{V} / \mathrm{y}$ Bổ nhiêm cán bô phư trách an toàn búc xa
HỌ KINH DOAN
教䭗数
－Căn cứ Luật năng lượng nguyên tử số 18／QH 12 ngày 03／6／2008；
－Căn cú Nghị định số 142／2020／NĐ－CP ngày 09／12／2020 Quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trọ̣ ưnng dụng năng lượng nguyên tử
－Căn cứ Thông tư liên tịch số 13／2014／TTLT－BKHCN－BYT ngày 09／6／2014；
－Xét năng lụ̣c cán bộ

## QUYÉT ĐINH：

 phụ trách về an toàn bức xạ tại Phòng khám nha khoatas

Điều 2：Bà có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ：
－Giúp người đứng đầu tổ chức，cá nhân được cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ thực hiện các nội dung sau ：
－Thực hiện đầy đủ các quy định trong giấy phép．
－Xây dựng và tổ chức thực hiện nội quy，các chỉ dẫn về an toàn，an ninh．
－Bảo đảm điều kiện làm việc an toàn，tổ chức huấn luyện nghiệp vụ，tổ chức khám sức khoẻ định kỳ và theo dõi liều chiếu xạ đối với nhân viên bức xạ．
－Tạo điều kiện cho kiểm tra viên，thanh tra viên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra，thanh tra về an toàn，an ninh；cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu．
－Tồ chức kiểm xạ，kiểm soát chất thải phóng xạ，bảo đảm liều chiếu xạ không vượt quá liều giới hạn．
－Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch ưng phó sự cố cấp co sở．

- Giúp người đứng đầu tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ xây dựng và tổ chức thụcc hiện biện pháp kỹ thuật cần thiết để tuân thủ các điều kiện về an toàn, an ninh.
- Thuờng xuyên giữ liên lạc với cơ quan quản lý nhà nước về an toàn bức xạ hạt nhân cấp trên để được giúp đõ̃ khi có sự cố về bức xạ vượt quá khà năng giải quyết của co sỏ.
- Lập và luu giữ hồ sơ liên quan đến an toàn, an ninh.

Điều 3: Bà
và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành
Quyết định này./.

No'i nhị̂n:<br>- Nhur Điều 3.<br>- Luru VT

## CHỦ CO SỎ



## CÔNG HOÅ XÃ HỌI CHỦ NGHĨA VIÊT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## HƠ'P ĐÒNG KINH TÉ

Số: 98/H甲DV/2022

- Căn cú Luật dân sû số 91/2015/QH13 đّ̛ược Quốc hội CHXHCNVN thông qua ngày 24/11/2015 (có hiệu lục tù̀ 01/01/2017);
- Căn cú luật thuong mại số 36/2005/QH11;
- Căn cú vào luât năng lương nguyên tủ.
- Căn cú theo thông tur hướng dẫn chế độ thu lệ phí kiểm định phưong tiện ảo của Bộ tài chính số 83/2002/TT:-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2002;
- Căn cú theo thông tue số 08/20114/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15/01/2014 quy đ̛̣inh mức thu, chế độ, nộp, quản lý và sự dung phíy tế dụ phòng, kiểm dịch y tế;
- Căn cú vào nhu cầu của hai bên,

Hôm nay, ngày 10 tháng 08 năm 2022, tại Viện Ứng dụng Công nghệ Thông tin và Bức xạ, chúng tôi gồm có:

| BEN A: |  |
| :---: | :---: |
| Đại diện |  |
| Chức vụ | : Chủ hộ kinh doanh |
| Địa chỉ |  phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên |
| Điện thoai |  |
| Mã số thuế |  |
| BEN B: | VIEN ÚNG DUNG CÔNG |
| Đại diện |  |
| Chức vụ | : Viện trưởng |
| Địa chỉ |  Hoàng Mai, Hà Nội |
| Tài khoản |  |
| Mở tại | : Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việ̣t Nam - Chi nhánh Xa La |
| Mã số thuế |  |

Hai bên thoả thuận ký kết Hợp đồng theo các điều khoản sau:

## Điều 1: Đối tượng của Hợp đồng

Bên $B$ nhận cung cấp dịch vụ đọc liều chiếu xạ cá nhân sử dụng liều kế cá nhân quang phát phát quang đo bức xạ gamma và tia X (sau đây gọi tắt là "liều kế") cho bên $A$ theo đơn giá sau:

| TT | Nội dung công việc | \#VT | SL | Đon giá | Thành tiền |
| :---: | :---: | :---: | :---: | :---: | :---: |
| 1 | Liều kế cá nhân | Chiếc | 01 | 2.000.000 | 2.000 .000 |
| 2 | Dịch vụ đọc liều <br> Đọc liều chiếu xạ cá nhân <br> - Đọc kết quà̉ liều kế và trả <br> kết quả định kỳ (3 thảng/ lần): <br> 4 lần/ năm <br> - Đọc 03 chỉ số: $\mathrm{Hp}(10$, <br> $\mathrm{Hp}(3), \mathrm{HP}(0,07)$ | $\begin{gathered} \text { Liều } \\ \text { kế } \end{gathered}$ | 01 | 800.000 | 800.000 |
| Cộng: |  |  |  |  | 2.800.000 |

## Điều 2: Giá trị Họp đồng

Tổng giá trị Họp đồng là: 2.800.000 VND
(Bằng chü: Hai triệu, tám trăm nghìn tî̀ng chã̃n./.)

- Loại Hợ đồng: Trọn gói.

Diều 3: Thời gian thực hiện hợp đồng: Bên $B$ thực hiện các công việc cho Bên A theo yêu cầu hàng năm kể tự khi hai bên ký kết hợp đồng. Trong trường hợp một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng thì chỉ cần thông báo trước 30 ngày bằng văn bản cho bên kia biết về thời hạn chấm dứt và bên kia phải đồng y y với nội dung chấm dứt hợp đồng của bên đề nghị chấm dứt hợp đồng.

## Diều 4. Trách nhiệm của Bên $A$

1. Bên A có trách nhiệ̀m cung cấp cho Bên $B$ các thông tin cơ bản sau:

- Tên của khách hàng.
- Danh sách những người sử dụng liều kế (theo mẫu yêu cầu của Bên $B$ ).
- Nguồn bức xạ có trong môi trường làm việc của người sử dụng liều kế.

2. Theo dõi việc sử dụng liều kế cứ 03 tháng thu lại liều kế đã sử dụng và chuyển cho Bên $B$ để đọc kết quả và chịu mọi trách nhiệm khi chậm trễ khi gửi đo liều kế.
3. Sử dụng liều kế cá nhân đúng quy cách.
4. Thông báo cho Bên $B$ bằng văn bản khi có sự thay đổi về nguời đeo liều kế.
5. Chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên $B$ đúng như cam kết trong Hợp đồng này.

## Điều 5. Trách nhiệm Bên B

1. Trả kết quả đọc liều cá nhân theo từng đột sử dụng liều kế cho Bên A (sau tối đa 03 ngày kể từ ngày Bên $B$ nhận liều kế đã sử dụng của Bên $A$ ).
2. Thông báo cho Bên A thời gian chuẩn bị đọc liều kế lần kế tiếp.
3. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản liều kế. Có văn bản hướng dẫn cụ thể để Bên A chuyển đến Khách hàng.
4. Trước ngày $15 / 11$ gửi cho Bên $A$ sổ theo dõi liều chiếu xạ cá nhân của các nhân viên bức xạ.
5. Khi kết quả đo, đánh giá liều chiếu xạ cá nhân cao bất thường:

- Khi phát hiện trường họ̣p liều vượt quá $1 / 4$ liều giới hạn nghề nghiệp, Bên $B$ ghi cảnh báo ngay trên bảng kết quả, Bên $A$ phối họ̣p với khách hàng tìm nguyên nhân và có biện pháp khắc phục.
- Khi phát hiện trường hợp liều vượt giá trị giới hạn liều nghề nghiệp, Bên B thông báo ngay cho Bên A (Cồng văn thông báo về trường hợp liều cao và kết quả đọc liều), Bên A phối hợp với khách hàng tìm nguyên nhân và yêu cầu khách hàng giải trình về nguyên nhân gây liều cao. Toàn bộ giải trình về nhưng trường hợp này bên A có trách nhiệm gửi cho bên $B$ bản chính để lưu hồ sơ.
- Bên B có trách nhiệm gửi thông báo về nguyên nhân và kết quả trường hợ liều cao cho Cục ATBXHN và Sở KHCN địa phương (theo Khoản 5 Điều 28 Thông tư 19/2012/TT-BKHCN của Bộ khoa học và Công nghệ).

6. Bên B có quyền yêu cầu Bên A thanh toán đúng hạn theo cam kết trong Hợ đồng này.

## Điều 6. Điều kiện thanh toán.

1. Việc thanh toán sẽ được thực hiện bằng tiền Việt Nam.
2. Bên A thanh toán cho bên $\mathrm{B} 100 \%$ giá trị hợp đồng năm đầu tiên, số tiền: 2.800.000 VNĐ (Bằng chư: Hai triệu, tám trăm nghìn đ̂ò̀ng chãn) ngay sau khi ký hợp đồng.
Các năm tiếp theo, bên $A$ thanh toán cho bên $B$ số tiền đọc liều của năm ngay sau lần đọc liều kế lần đầu của năm.
3. Phương thức thanh toán: tiền mặt/chuyền khoản.

> MÃ̃

## Điều 7. Phạt vi phạm hợp đồng:

Bên $B$ có trách nhiệm hoàn thành công việc cho bên $A$ theo đúng tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu bên $B$ không đáp ứng tiến độ thực hiện hợp đồng cho bên $A$ sẽ bị phạt vi phạm hợp đồng. Mức phạt: $5 \%$ giá trị hợp đồng.

## Điều 8. Giải Quyết Tranh Chấp:

- Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh giữa hai bên liên quan đến việc thực hiện hợp đồng này đều phải ưu tiên giải quyết qua thương lượng và hòa giải trên tinh thần công bằng, thiện chí, trung thực.
- Việc xử lý vi phạm và bồi thường thiệ̣t hại do hành vi vi phạm hợp đồng sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật.
- Trong trường hợp hai bên không thể giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải, các tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa Kinh Tế TP Hà Nội để giải quyết theo quy định của pháp luật và căn cứ theo các điều khoản của hợp đồng này.


## Điều 9. Diều khoản chung

- Không bên nào có quyền sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này khi không có sự đồng ý của bên kia bằng văn bản. Mọi sửa đổi, bổ sung đều phải thể hiện thành phụ lục và là một phần không thể tách rời Hợp đồng này.
- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, hai bên phải thường xuyên thông báo cho nhau những thông tin có liên quan đến lô hàng để kịp thời đề ra các giải pháp cần thiết để xử lý các vấn đề phát sinh;
- Các điều khoản khác (nếu có) mà không được đề cập trong bản Hợp đồng này sẽ tuân thủ theo pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.


## DAI DIEN BEN A



## PHÒNG KHAM NHA KHO

Số nhà $57 / 1$, tỉnh Thái Nguyên

## KE HOACH

## ƯNG PHÓ SỰ CÓ ĐÓI VỚI CƠ SỞ SỬ DƯNG THIÉT BIT X QUANG CHẢN ĐOÁN Y TÉ

## Thái Nguyên, ngày tháng tăm 2022 CHỦ CO SỎ BƯC XA.

NGU'Ờ LÅP


## HÔ KINH DOANH Kaws

## 

Số nhà 57/1 tỉnh Thái Nguyên

## K宦 HOACH

ÚNG PHÓ SỰ CỐ ĐỐ VỚI CO SỞ SỬ DỤNG THIE T BI X QUANG CHĂN ĐOÁN Y TÉ

Thái Nguyên, tháng**ăm 2022

## 1. Căn cứ pháp lý:

- Luật Năng lượng nguyên tử số $18 / 2008$-QH12, thông qua ngày $03 / 6 / 2008$;
- Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 Quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử
- Thông tur số 19/2012/TT-BKHCN, ngày 08/11/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ "Quy định về việc kiển soát và đảm bảo an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng";
- Thông tư liên tịch số $13 / 2014 / \mathrm{BKHCN}-\mathrm{B} Y \mathrm{Y}$, ngày 09/6/2014 của liên Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Y tế "Quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế".
- Thông tur số 25/2014/TT-BKHCN ngày 08/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc chuẩn bị ưng phó và ứng phó sụ̣ cố bức xạ và hạt nhân, lập và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân.


## 2. Căn cú ky thuật:

Tình hình sử dụng thiết bị bức xạ tại co sỏ:
Hiện tại Cơ sở đang xin cấp phép sử dụng 01 máy $X$ quang chụp răng. Mục đích công việc bức xạ nhằm chẩn đoán bệnh giúp cho việc điều trị bệnh chính xác và hiệu quả.

Phân tích và đánh giá nguy co xảy ra sự cố búc xạ:
Nguyên lý chụp X-quang là sử dụng nguồn điện để vận hành Thiết bị tia $X$ chiếu lên bệnh nhân. Một phép chụp X-quang phụ thuộc vào yêu cầu điều trị, chẩn đoán bệnh và đặc trưng kỹ thuật của máy. Căn cứ trên điều kiện vận hành thục tế, Kịch bản ứng phó sự cố bao gồm các tình huống sau:

- Bệnh nhân bị chiếu xạ quá liều so với mức chỉ dẫn;
- Nhân viên bức xạ bị chiếu xạ quá liều.

3. Trách nhiệm báo cáo sự cố khi có người bị chiếu xạ quá liều

Nhự đã phân tích và đạnh giá nguy cơ ở trên thì đối với máy chụp $X$ quang chẩn đoán dùng trong y tế mà cơ sở đang sử dụng có khả năng gây ra sự cố chiếu
quá liều cho nhân viên. Quy trình báo cáo khi có nghi ngờ, phát hiện ra sụ̣ cố chiếu quá liều nhu sau:

- Nhân viên khi nhận thức về khả năng xảy ra sự cố chiếu quá liều th ngay lập tức báo cáo cho nguời phụ trách ATBX tai cơ sở đó
- Người phụ trách $\operatorname{ATBX}$ có trách nhiệm xác minh về sự cố, tìm hiểu nguyên nhân gây ra sự cố chiếu xạa qua liều và lập tức báo cáo về sụ̣ cố cho Chủ cơ sở Phòng khám (sau đây gọi tắt là chủ cơ sở) (Mẫu báo cáo tại phụ lục của bản kế hoạch này)

Chủ cơ sở có trách nhiệm báo cáo sự cố (trong vòng 24h Khi phát hiện sự cố) cho Sở Khoa học và Công nghệ tinh Thái Nguyên, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân một cách trung thực và cính xác.

Quy trình thông báo được thể hiện nhur sau:


## MÃ̃U

4. Quy định về trách nhiệm, phương pháp đánh giá liều và theo dõi tình trạng súc khỏe của các cá nhân bị chiếu xạ quá liều

* Trách nhiệm tổ chức việc đánh giá liều và theo dõi tình trạng sức khỏe của các cá nhân bị chiếu xạ quá liều
- Chủ cơ sở chỉ đạo cho người phụ trách ATBX có trách nhiệm tổ chức việc đánh giá liều và theo dõi tình trạng sức khỏe cho các nhân viên mà nghi ngờ bị chiếu quá liều
- Người phụ trách ATBX thực hiện việc tổ chức đánh giá liều và theo dõi tình trạng sức khỏe cho các nhân viên mà nghi ngờ bị chiếu quá liều theo sụ̣ chỉ đạo của Chủ cơ sỏ̉
* Phương pháp đánh giá liều
- Căn cứ của thiết bị phát tia X chỉ có thể gây ra chiếu xạ ở mức độ liều chiếu vượt quá liều giới hạn cho phép ( $20 \mathrm{mSv} /$ năm) chứ không thể gây ra hiệu ứng tất định ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe. Người phụ trách ATBX căn cứ vào kết quả liều kế cá nhân để xác định nhân viên bị chiếu xạ quá liều.
- Hiện nay các nhân viên bức xạ tại cơ sở hàng năm, hàng quý đã được Viện Úng dụng công nghệ thông tin và bức xạ đo đạc và quản lý suất liều chiếu cho từng cá nhân làm việc vói thiết bị phát tia X . Các kết quả đọc liều chiếu của các nhân viên bức xạ đều thấp hơn tiêu chuẩn cho phép
- Do cơ sở chưa có thiết bị đo suất liều nên khi nhân viên nghi ngờ bị chiếu xạ quá liều nhưng không đeo liều kế cá nhân thì Chủ cơ sở cũng có thể yêu cầu trợ giúp tù̀ phía Sở $\mathrm{KH} \& \mathrm{CN}$ tỉnh Thái Nguyên, Viện Ửng dụng công nghệ thông tin và bức xạ ước lượng đánh giá mức liều chiếu nhân viên. Phương pháp đánh giá liều dựa trên thời gian phát tia, dòng phát tia, thời gian tiếp xúc của các nhân viên, Khoảng cách tiếp xúc, vị trí tiếp xúc


## * Biện pháp theo dõi sức khỏe cá nhân bị chiếu quá liều

- Người phụ trách ATBX có trách nhiệm tiến hành khám sức khỏe, lập hồ so theo dõi tình trạng sức khỏe định kỳ cho các cá nhân bị chiếu xạ quá liều. Chủ cơ sở có biện pháp để giảm thời gian làm việc cho các cá nhân hoặc là luân chuyển công việc để hạn chế mức liều mà nhân viên nhận được.

PHUQLUC

> PHU LUC 1
> DANH SÁCH CÁC TỐ CHỨC CÂ NHÂN LIÊN QUAN TRONG ƯNG PHÓ SỰ CỐ

1. Danh sách địa chï liên lạc của cơ sở:

| Số | Họ và tên | Chức vụ | Diện thoại |
| :---: | :---: | :---: | :---: |
| 1 |  | Chủ cos sở |  |
| 2 |  | Phụ trách ATBX |  |

2, Danh sách địa chỉ số đđiện thoại liên lạc bảo cáo và yêu cầu trợ giúp khi sự cố xảy ra:

| Só | Co quan | Diện thoại |
| :---: | :---: | :---: |
| 1 | Cục An toàn bức xạ và hạt nhân |  |
| 2 | Sở KH\&CN tỉnh Thái Nguyên |  |
| 3 | Cảnh sát phản ưng nhân | 113 |

PHU LUC 2

## KICH BẢN ÚNG PHÓ SƯ' CÓ

Mô tả sự cố: khi nhận đước kết quả thông báo của đơn vị cung cấp dịch vụ theo dõi liều xạ kế cá nhân thì thấy kết quả liều kế nhân viên vượt qua giới hạn cho phép.
Phương pháp xủ̉ lý nhu sau:

| Hành động úng phó | Nội dung | Nguò̀i thục hiện |
| :---: | :---: | :---: |
| Bước 1: Điều tra và xác minh sự cố | Căn cứ mức liều tham chiếu là 20 $\mathrm{mSv} / \mathrm{năm}$ (3 tháng là 5 mSv ); Nếu kết quả đọc liều xạ cá nhân lớn hơn mức này thì. | Nguời phụ trách an toàn báo cáo Chủ co sỏ |
| Bước 2: Ngăn chặn và phòng ngừa | Tạn dừng vận hành thiết bị đến khi khắc phục xong sự cố. | Chủ co sở |
| Bước 3: Điều tra nguyên nhân sụt cố | Đánh giá liều và xác định nguyên nhận gây quá liều là do nhân viên không thực hiện đúng quy trình hoặc do co cấu che chắn của thiết bị hỏng (Nhân viên bức xạ phải phối hợp và phải khai báo trung thực) | Nguời phụ trách an toàn |
| Bước 4: Báo cáo về sự cố | Báo cáo về sự cố: <br> - Cục ATBX. <br> - Sở KHCN địa phương | Chủ cos sở |
| Bước 5: Khắc phục sự cố | Đưa ra biện pháp khắc phục: <br> - Thực hiện khắc phục tiếp theo khuyến cáo chuyên môn của Cục an toàn bức xạ và hạt nhân. <br> - Cho phép thiết bị vận hành bình thurờng | Người phụ trách an toàn <br> Chủ co sỏ |
| Bước 6: Làm hồ sơ về sụ̀ cố | Thực hiện lưu hồ sơ sự cố | Người phụ trách an toàn |

## PHU LỤC 3.

MỘT SỐ MÃ̃U VĂN BẢN PHUC VU CÔNG TÁC ÚNG PHÓ SU' CÓ MÂU 1.BÁO CÁO VE SỤ CỐ

Kính gửi : Cục an toàn bức xạ và hạt nhân.
: Sỏ̉ Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên
Vào hồi....giờ......phưt, ngày..../..../20...., Cơ sở chúng tôi đã đđ̂̉ xảy ra sự cố bức xa.

Chúng tôi xin báo cáo kết quả ứng phó và khắc phục sự cố như sau:
Thòi gian và địa điểm xảy ra sự cố:
Tình huống sự cố: Sự cố chiếu quá liều
Thông tin cá nhân bị chiếu xạ quá liều:

| $T$ $T$ | Ho <br> và <br> tên | Nam $/ \mathrm{Nu}{ }^{\prime}$ | Ngày <br> $\sinh$ | Chứn <br> g $\operatorname{minh}$ nhân dần | Đo'n <br> vi <br> công tác | Mã số <br> liều <br> kế cá <br> nhân | Kết quả liều kế cá nhân | Liều <br> ưóc <br> tính | Nguyên nhân bị chiếu quá liều |
| :---: | :---: | :---: | :---: | :---: | :---: | :---: | :---: | :---: | :---: |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |


| Các | biện | pháp | ưng | phó | và | khắc |
| :---: | :---: | :---: | :---: | :---: | :---: | :---: |
| phuc:. |  |  |  |  |  |  |

Tình trạng sức khỏe nạn nhân và đề xuất biện pháp theo dõi sứ khỏe (nếu có)

## MÃ̃U 2 YÊU CÀU TRỢ GIÚP

Kính güi: Cục An toàn bức xạ và hạt nhân

> Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên

Vào hồi.... giờ.... phút, ngày..../...../20... Cơ sở chúng tôi phát hiện đã xảy ra sự cố bức xạ tại $\qquad$
Theo đảnh giá sơ bộ về sự cố,..\{ mô tả hậu quả của sụ̣ cố\} $\qquad$
Tình trạng khặ́c phục sụ̣ cố
$\qquad$
Khó khăn trong việc khắc phục sụ̣ cố: $\qquad$
Kính gửi đề nghị quý cơ quan trợ giúp ưng phó... \{Yêu cầu trọ̣ giúp\}
$\qquad$
$\qquad$
Địa chỉ liên lạc hoặc tư vấn trực tiếp... \{ Họ và tên, Số điện thoại\}
Trâm trọng cám on

Noi nhận:

- Nhur K.g
- Luru VT

CHỦ CO SƠ
Ký, ghi rõ họ tên

Sở Khoa học và Công nghê BỌ PHÂN TIÉP NḦẠN VA TRÅ KÉT QUẢ

Số:数䜌BPTNTKQ

CỘNG HÒA XÃ HỌ̃I CHÜ NGHĨA VIẸT NAM
Đôc lâp - Tứ do - Hanh phúc


# GIÁY TLÉP NHẦN HÔ SƠ VÀ HEN TRẢ KĖT QUẢ <br>  

(Liên 1: Lıcu)
Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả



Nội dung yêu cầu giải quyết: Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị Xquang chần đoán trong y tế.
Thành phần hồ sơ nộp gồm:

| TT | Danh mục hồ so | Số lương |
| :---: | :---: | :---: |
| 1 | Kế hoạch ứng phó sự cố | 1 |
| 2 | Bản sao Biên bàn kiềm xạ | 1 |
| 3 | Báo cáo đánh giá an toàn chứng minh đáp ứng đư các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Nghị định 142/2020/ND-CP | 1 |
| 4 | Bản sao Giấy chưnng nhận kiểm định thiết bị X-quang chần đoán y tế | 1 |
| 5 | Bản sao tài liệu của nhà sàn xuất có thông tin về thiểt bị X-quang chẩn đoán y tế như trong phiếu khai báo. Trường hợp không có tài liệu của nhà sản xuất về các thông tin này, tồ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép phải nộp kết quả xác định thông số kỹ thuật của thiểt bi | 1 |
| 6 | Phiếu khai báo thiêtt bị X-quang chẩn đoán y tế | 1 |
| 7 | Bản sao Giấy chứng nhận đào tạo an toàn bức xạ của nhân viên bức xa | 1 |
| 8 | Phiếu khai báo nhân viên bức xạ và ngurời phụ trách an toàn | 1 |
| 9 | Bản sao của một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập tồ chức, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chưng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chúng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, các loại giấy tờ khác có giá trị tương đương. Trường hợp giấy tờ bị thất lạc phải có xác nhận cua cơ quan ban hành hoặc cấp loại giấy tờ đó | 1 |
| 10 | Đơn đề nghị cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xa | 1 |
| 11 | Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị $X$ quang chần đoán y tế | 1 |

Nội dung tài liệu khác:
Số lượng hồ sơ: (bộ)
Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là: 25 ngày

Thời gian trả kết quà giài quyết hồ sơ: 00:06) 12022

Đăng ký nhận kết quả tại: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả

Vào sổ theo dõi hồ sơ, Quyền số: Số bộ hồ sơ:
NGUỜI NỘP HỔ SƠ
(Kývà ghi rõ ho tên)

NGƯỜT TIÉP NHẬN HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)





UBND TİNH THÁI NGUYÊN
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHẸ


CỘNG HOÀ XÃ HỌ́I CHỦ NGHİA VIẸT NAM
Độc lập - Tụ do - Hạnh phúc


## GLÁY PHÉP Tiến hành công việc bức xạ (Sử dụng thiết bị X-quang răng dùng trong y tế) <br> GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHÊ

Căn cư Luật Năng lương nguyên tủ ngày 03/6/2008;
Căn cí̂ Nghị đïnh số 07/2010/Nき-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ Quty định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều cuia Luật Năng lượng ngrveên tử; Nghi định số 142/2020/ND-CP ngày 09/12/2020 của Chinh phủ Quq ậinh về việc tiến hành công việc búc xạ và hoat đông dịch vu hô̂ trợ ing dưng năng lương ngriyên tiv;

Căn cú Thông tup số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/02/2022 cưa Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn thi hành một số điều cưa Nghị định 142/2020/NO-CP ngày 09/12/2020 cuia Chính phủ Quy định về việc tiến hành cồng việc buíc xạ và hoạt động dịch vu hỗ trợ íng dưng năng lương nguyền tư;

Căn cứ Biên bản hop hội đồng thẩm định cấp Giấy phép tiến hành công việc bíc xa số 37/BB-HĐATBX ngày 19/9/2022; Hồ so đề nghị cấp Giấy phép tiến



Theo đ̛̀è nghi của Chủ tịch Hội ảòng thẩm định hồ so ạ̉̂̀ nghị cấp Giấy phép tiến hành công viẹẹc bức xạ.

## CHO PHÉP


 Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Được phép: Sử dụng 01 thiết bị X-quang răng có các đặc trưng nêu tại phần kèm theo của Giấy phép này để chụp chẩn đoán bệnh.

 pháp luật và các điều kiện của Giấy phép.

Giấy phép này có giá trị đến ngày 23
Nơi nhận:

- Hộ kinh doanh watamex wint

- Lãnh đạo Sờ;
- Luru: VT, QLCN!
(HungQLCN/02)



## CÁC ĐIÈU KIẸN CỦA GIÂY PHÉP

(Kèm theo Giấy phép số: GW-KHCN ngày của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Ngrvênn)

Trong quá trình sử dụng, Hộ kinh doanh


1. Chỉ được phép tiến hành sử dụng 01 thiết bị X -quang răng với nguồn bức xạ đúng mục đích, địa điểm và có các đặc trưng nêu tại phần kèm theo của Giấy phép này.
2. Trong quá trình tiến hành công việc bức xạ phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế (Phòng chụp X-quang phải gắn đèn báo hiệu, biến cảnh báo bức xạ, nội quy an toàn bức xạ, quy trình vận hành thiết bị, sổ theo dõi vận hành thiết bị, hướng dẫn sử dụng liều kếr; Nhân viên bức xạ̣ phải đeo liều kế cá nhân khi vận hành thiết bị và đánh giá liều chiếu xạ cá nhân cho nhân viên bức xạ ít nhất 3 tháng một lần theo đúng hướng dẫn; định kỷ kiểm tra mức suất liều bức xạ tại khu vực sử dụng thiết bị; kiểm định thiết bị theo đúng quy định ...).
3. Giấy phép này chỉ có giá trị hiệu lực khi thiết bị được cấp phép còn thời hạn kiểm định.
4. Khi có bất kỳ thông tin thay đổi nào so với các nội dung ghi trong Giấy phép này phải báo cáo cho Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên;
5. Trường hợp tiếp tục tiến hành công việc bức xa sau thời hạn ghi trong giấy phép này, đơn vị phải có trách nhiệm làm thủ tục đề nghị gia hạn giấy phép theo quy định.
6. Trường hợp chuyển nhượng nguồn bức xạ cho tổ chức, cá nhân khác, phải báo cáo với cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
7. Định kỳ hàng năm lập và gưi báo cáo thực trạng tiến hành công việc bức xặ tại cơ sở về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 15/12. Mẫu báo cáo được đăng tải trên trang tin điệ̣n tử của Sở http://dosttri.gov.vn/ tại mục thông báo.
8. Trường hợp xảy ra sự cố bức xạ, phải thông báo khẩn cấp cho các cơ quan liên quan và:

## SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHẼ TİNH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Số 513, đuờng Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên


THAIN

| Tên thiết bị | Mã hiệu, số xêri | Hãng SX, Noi SX, Năm SX | Thông số làm việc cực đại $k V$ max, mA max | Mục đích sử dụng, Noi sử dụng, Sử dụng cố định hay di động | Các bộ phận của thiết bị |  |  |  |
| :---: | :---: | :---: | :---: | :---: | :---: | :---: | :---: | :---: |
|  |  |  |  |  | Tên bộ phận | Hãng SX | Mã hiệu | Số xêri |
|  |  |  |  | Chụp răng <br> Hộ kinh doanli Đỗ | Bàn điều khiển | Kết nối với máy tính |  |  |
| X-quang răng Rainbow ${ }^{\text {TM }} \mathrm{CT}$ | $\begin{gathered} \text { ICT-R01-L } \\ \text { G04DXD2322 } \end{gathered}$ | Hàn Quốc 2022 | Umax: 100 kV <br> Imax: 12 mA | (phòng <br> khám nha khoa <br>  <br> Sử dụng cố định | Đầu bóng phát tia X | POSKOM <br> Hàn Quốc | D-054SB | 2A63957 |

